

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ



ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: **LUẬT KINH TẾ**

Mã ngành: **7380107**

Cần Thơ, năm 2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ



ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

- Tên ngành đào tạo: **LUẬT KINH TẾ**
- Mã số: **7380107**
- Tên cơ sở đào tạo: **Trường Đại học Cần Thơ**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**

Cần Thơ, năm 2023

MỤC LỤC

DANH SÁCH BẢNG VÀ HÌNH.....	i
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	ii
Phần 1: ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC	1
I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO	1
1. Thông tin về ngành đăng ký đào tạo	1
2. Giới thiệu chung về Trường Đại học Cần Thơ (Trường ĐHCT).....	1
3. Giới thiệu về Khoa Luật	3
II. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO.....	4
1. Giới thiệu về nguồn nhân lực đối với ngành đào tạo	4
2. Lý do mở ngành đào tạo	7
III. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO.....	11
1. Chương trình đào tạo	11
2. Kế hoạch đào tạo/giảng dạy	18
3. Đối sánh với các CTĐT ngành Luật Kinh tế	22
4. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và bảo đảm chất lượng đào tạo	28
IV. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	29
1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu	29
2. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên	33
V. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	36
1. Điều kiện cơ sở vật chất hiện hữu bảo đảm mở ngành đào tạo	36
2. Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất	38
VI. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	39
1. Đơn vị phụ trách quản lý ngành đào tạo	39
2. Cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở.....	40
VII. ĐIỀU KIỆN SẴN SÀNG CHUYỂN SANG DẠY HỌC TRỰC TUYẾN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO THEO QUY ĐỊNH.....	40
VIII. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO... 41	
1. Dự báo các rủi ro khi mở ngành và triển khai tuyển sinh.....	41
2. Giải pháp và phương án để ngăn ngừa và xử lý rủi ro.....	41
3. Giải pháp và phương án xử lý rủi ro trong trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo	44
TỰ ĐÁNH GIÁ.....	46
Phần 2: CÁC MINH CHỨNG KÈM THEO ĐỀ ÁN	47

DANH MỤC BẢNG VÀ HÌNH

STT	BẢNG		HÌNH	
	Tên bảng	Số trang	Tên hình	Số trang
1	Biểu đồ II.1. Khảo sát mức độ cần thiết của ngành Luật Kinh tế - Chuyên gia	7	Bảng IV.1. Đội ngũ giảng viên Khoa Luật	30
2	Biểu đồ II.2. Khảo sát mức độ cần thiết của ngành Luật Kinh tế - Người sử dụng lao động	8	Bảng IV.2. Danh sách giảng viên cơ hữu có chuyên môn đúng ngành đào tạo Luật Kinh tế	31
3	Biểu đồ II.3. Khảo sát mức độ cần thiết của ngành Luật Kinh tế - Người học	8	Bảng IV.3. Chi tiêu cụ thể đến năm 2030 của Đề án phát triển Khoa Luật	34
4	Biểu đồ II.4. Nhu cầu tuyển dụng trong tương lai	9	Bảng IV.4. Kế hoạch học tiến sĩ của giảng viên Khoa Luật giai đoạn 2023 – 2025 (dự kiến)	35
5			Bảng IV.5. Kế hoạch tuyển dụng của Khoa Luật giai đoạn 2023 – 2025 (dự kiến)	36
6			Bảng V.1. Phân bổ kinh phí sửa cải tạo, sửa chữa và mua sắm tài sản năm 2023 (Nghị quyết 92/NQ-HĐT ngày 30/12/2022)	39

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
1	Trường ĐHCT	Trường Đại học Cần Thơ
2	CT	Cần Thơ
3	NCKH	Nghiên cứu khoa học
4	ĐBSCL	Đồng bằng Sông Cửu Long
5	THPT	Trung học phổ thông
6	CTĐT	Chương trình đào tạo
7	QPPL	Quy phạm pháp luật
8	SV	Sinh viên
9	TTHL	Trung tâm học liệu

Cần Thơ, ngày tháng 3 năm 2022

PHẦN 1: ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1. Thông tin về ngành đăng ký đào tạo

- Ngành đào tạo : Luật Kinh tế.
- Mã ngành : 7380107.
- Hệ đào tạo : Chính quy.
- Trình độ đào tạo : Đại học.
- Tổ hợp xét tuyển : Văn-Sử-Địa (C00); Toán-Lý-Hóa (A00); Toán-Văn-Anh văn/Pháp văn (D01/D03).
- Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 141 tín chỉ.
- Thời gian đào tạo : 04 năm (tối đa là 08 năm).
- Danh hiệu : Cử nhân.
- Năm dự kiến mở : 2023.
- Dự kiến chỉ tiêu tuyển hàng năm/5 năm: 75 chỉ tiêu cho năm 2023 (30% cho năm đầu tiên tuyển sinh).
- Đơn vị quản lý đào tạo: Khoa Luật, Trường Đại học Cần Thơ.

2. Giới thiệu chung về Trường Đại học Cần Thơ (Trường ĐHCT)

Nằm giữa trung tâm của thành phố Cần Thơ (CT) và vùng Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL), Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT) được thành lập năm 1966 với tên gọi là Viện Đại học Cần Thơ. Đến năm 1975, Trường được đổi tên thành Trường ĐHCT, với các nhiệm vụ chính là đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ phục vụ công cuộc phát triển kinh tế xã hội, nâng cao đời sống và dân trí cho vùng ĐBSCL. Trường ĐHCT đã tuyên bố tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, và triết lý giáo dục của mình là:

Tầm nhìn: Trường ĐHCT là nơi hội tụ, giao thoa và sản sinh tri thức - văn hóa - khoa học - công nghệ, tác động vào phát triển xã hội bền vững.

Sứ mệnh: Đào tạo con người tinh hoa trong môi trường học tập khai phóng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đương đại, phát triển kinh tế xã hội bền vững.

Giá trị cốt lõi: Đồng thuận - Tận tâm - Chuẩn mực - Sáng tạo.

Triết lý giáo dục: Cộng đồng – Toàn diện – Ưu việt.

Trường ĐHCT là cơ sở đào tạo đại học và sau đại học trọng điểm của Nhà nước ở ĐBSCL, là trung tâm văn hóa – khoa học kỹ thuật của vùng. Trường đã không ngừng hoàn thiện và phát triển, từ một số ít ngành đào tạo ban đầu, Trường đã củng cố, phát triển thành một trường đa ngành, đa lĩnh vực. Tầm nhìn chiến lược phát triển đến năm 2030 đã xác định Trường ĐHCT là nơi hội tụ, giao thoa và sản sinh tri thức - văn hóa - khoa học - công nghệ, tác động và phát triển xã hội bền vững. Hiện tại, Trường ĐHCT có 5 trường, 10 Khoa, 17 Trung tâm, 14 phòng ban, 3 Viện, 01 Công ty và Trường THPT Thực hành Sư phạm. Trường đang đào tạo 117 chương trình đào tạo trình độ đại học (trong đó có 2 chương trình đào tạo tiên tiến, 11 chương trình đào tạo chất lượng cao), 51 chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ (trong đó có 01 ngành đào tạo liên kết nước ngoài và 03 ngành đào tạo bằng tiếng Anh) và 21 chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

Trường hiện có 1.845 công chức, viên chức, trong đó đội ngũ cán bộ cơ hữu của Trường khá mạnh gồm 1.095 giảng viên, trong đó có 18 giáo sư, 163 phó giáo sư, tổng số cán bộ giảng dạy có trình độ tiến sĩ là 400 và thạc sĩ là 500 với năng lực chuyên môn và nghiệp vụ cao, đảm bảo thực hiện tốt nhất nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, phục vụ có hiệu quả sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Quy mô đào tạo năm 2022 của Trường gồm 46.490 người, trong đó có 43.617 SV (35.593 SV chính quy, 3.759 SV vừa làm vừa học và 4.319 SV đào tạo từ xa), 2.610 học viên thạc sĩ và 263 nghiên cứu sinh đang theo học các CTĐT.

Trường ĐHCT đã tích cực trong hoạt động khoa học và công nghệ (NCKH) và ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật nhằm giải quyết các vấn đề về khoa học, công nghệ, kinh tế, văn hoá và xã hội. Trường đã và đang trở thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học uy tín của vùng, quốc gia và quốc tế. Trường luôn được xếp thứ hạng cao trong các trường đại học ở Việt Nam. Theo kết quả xếp hạng lĩnh vực của QS, với nhóm ngành Nông - Lâm nghiệp và được xếp trong nhóm hạng 301-350 của các trường đại học thế giới và đứng đầu trong số các cơ sở giáo dục trong nước.¹ Đặc biệt, Trường đã sớm tạo được mối quan hệ hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học với các trường đại học, các viện nghiên cứu, các tổ chức quốc tế trong và ngoài nước. Thông qua các chương trình hợp tác quốc tế, năng lực quản lý và chuyên môn của đội ngũ cán bộ Trường đã được nâng cao, cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm được bổ sung và hiện đại hóa, đáp ứng có hiệu quả yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và mở rộng các ngành đào tạo. Ngoài ra, từ những kết quả của các công trình NCKH và hợp tác quốc tế, Trường đã tạo ra nhiều sản phẩm, quy trình công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống và xuất khẩu, tạo được uy tín trong nước và quốc tế.

¹ Asian University Rankings, <https://www.topuniversities.com/universities/can-tho-university>.

Sự thành công của Trường ĐHCT có sự đóng góp rất lớn từ mối quan hệ hợp tác trong đào tạo sinh viên và nghiên cứu khoa học với nhiều trường đại học, các viện nghiên cứu, các tổ chức quốc tế trong và ngoài nước. Thông qua các chương trình hợp tác quốc tế, năng lực quản lý và chuyên môn của đội ngũ cán bộ Trường đã được nâng cao, cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm được bổ sung và hiện đại hóa, đáp ứng có hiệu quả yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và mở rộng các ngành đào tạo. Ngày nay, Trường ĐHCT đang phát huy năng lực đào tạo sau đại học nhằm thúc đẩy nhanh quá trình đào tạo nguồn nhân lực sau đại học chất lượng cao để phục vụ ngày càng hiệu quả cho sự phát triển chung của đất nước.

Về tổ chức, Đảng ủy Trường Đại học Cần Thơ là cấp ủy trực thuộc Thành ủy Cần Thơ; có chức năng lãnh đạo xây dựng, ban hành và kiểm tra, đôn đốc thực hiện những vấn đề thuộc về phương hướng, biện pháp lớn phát triển lâu dài của Trường Đại học Cần Thơ đảm bảo cho Nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao. Hội đồng Trường là tổ chức quản trị, thực hiện quyền đại diện của chủ sở hữu và các bên có lợi ích liên quan. Hội đồng Trường hiện nay gồm có Chủ tịch là Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Thanh Phương, Đại biểu Quốc hội khóa XIV và 25 thành viên khác. Ban Giám hiệu Nhà trường gồm có Hiệu trưởng là Giáo sư, Tiến sĩ Hà Thanh Toàn và 03 Phó Hiệu trưởng là Phó Giáo sư, Tiến sĩ Trần Trung Tính; Giáo sư, Tiến sĩ Trần Ngọc Hải và Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Hiếu Trung.

Thông tin đào tạo của Trường:

- Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Cần Thơ.
- Địa chỉ: Khu II, đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.
- Điện thoại: (0292) 3832663; Fax: (0292) 3838474; Email: dhct@ctu.edu.vn.
- Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://www.ctu.edu.vn/>
- Địa chỉ trang thông tin điện tử tuyển sinh đại học: <https://tuyensinh.ctu.edu.vn/>

3. Giới thiệu về Khoa Luật

Xuất phát từ nhu cầu nguồn nhân lực pháp luật nhằm đáp ứng công cuộc xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền ở Việt Nam, tháng 9 năm 1998 Bộ môn Luật trực thuộc Trường Đại học Cần Thơ được thành lập. Bộ môn bắt đầu tuyển sinh và đào tạo ngành Luật ở bậc đại học khóa đầu tiên từ năm học 1999-2000 (khóa 25 của Trường Đại học Cần Thơ) với ba chuyên ngành là Luật hành chính, Luật thương mại và Luật tư pháp. Đến tháng 2 năm 2000 Khoa Luật được thành lập trên cơ sở Bộ môn Luật. Tính đến thời điểm hiện tại, Khoa Luật được nhà trường giao phụ trách đào tạo chuyên môn đối với 01 ngành thạc sĩ là Luật Kinh tế và 01 ngành đào tạo bậc đại học là ngành Luật. Khoa đã dần xây dựng, tích lũy uy tín trong hoạt động đào tạo luật ở đồng bằng sông Cửu Long. Hàng năm, số lượng người học đăng ký dự tuyển ngành

Luật ở bậc cử nhân, cao học là khá cao vì vậy điểm chuẩn đầu vào của ngành Luật luôn ở mức cao. Với triết lý đào tạo “**Rèn tâm thiện – Luyện trí minh**”, Khoa Luật đang phấn đấu trở thành cơ sở đào tạo pháp luật hàng đầu trong khu vực và cả nước, là nơi cung cấp nguồn nhân lực pháp lý chất lượng cao cho sự nghiệp xây dựng, phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước.

Chất lượng của người học, học viên ngành Luật của Trường Đại học Cần Thơ được công nhận và được đánh giá tốt ở các đơn vị sử dụng lao động, ở các đơn vị đào tạo trong và ngoài nước khi tham gia các chương trình trao đổi người học, ở các bậc học cao hơn. Trong quá trình phát triển của mình, Khoa giữ mối quan hệ thường xuyên với các đối tác truyền thống là các đại học, các trường trong và ngoài nước. Khoa Luật có mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với Đại học Groningen (Hà Lan) thông qua đào tạo, trao đổi giảng viên, các khóa học mùa đông và Khối Pháp ngữ ở các đại học như Paris 1, Lyon 2. Hiện tại Khoa Luật đang thực hiện thỏa thuận hợp tác với Đại học Lille (Pháp) và tham gia tích cực trong mạng lưới Mekong Region Land Governance (MRLG).

Trong nước, Khoa luôn giữ mối liên hệ hợp tác chuyên môn, chia sẻ nguồn lực với các đơn vị đào tạo luật, các cơ quan nhà nước và tổ chức hành nghề như Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, các sở thuộc Ủy ban nhân dân, Đoàn Luật sư, Hội Luật gia thành phố Cần Thơ... Đặc biệt, Khoa là đối tác thường xuyên được Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Cần Thơ mời cho ý kiến đối với các dự án Luật của Quốc hội.

Bộ máy lãnh đạo Khoa Luật gồm Đảng ủy, Hội đồng Khoa và Ban Chủ nhiệm Khoa. Các đơn vị trực thuộc Khoa gồm có Văn phòng Khoa, Thư viện Khoa, Trung tâm Luật so sánh và thực hành nghề luật và 03 Bộ môn. Các Bộ môn bao gồm: Bộ môn Luật hành chính, Bộ môn Luật thương mại và Bộ môn Luật tư pháp. Mỗi Bộ môn phụ trách chuyên môn đối với một chuyên ngành tương ứng là Luật hành chính, Luật thương mại và Luật tư pháp. Ban Chủ nhiệm Khoa gồm 03 thành viên:

- Trưởng Khoa: PGS.TS. GVCC. Phan Trung Hiền
- Phó Trưởng Khoa: ThS.GVC. Diệp Thành Nguyên
- Phó Trưởng Khoa: TS. Cao Nhất Linh

II. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu về nguồn nhân lực đối với ngành đào tạo

1.1. Sự phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của ngành, địa phương và cả nước

Trong một nền kinh tế ngày càng phát triển, nhu cầu về nhân sự có chuyên môn về pháp luật trong điều hành và hoạt động của nền kinh tế là tất yếu. Trước nhu cầu hợp tác, giao lưu trong hoạt động kinh doanh - thương mại, xúc tiến đầu tư giữa các quốc gia, vai trò của các chuyên gia pháp lý về lĩnh vực kinh tế là không thể thiếu.

Nhân sự ngành Luật Kinh tế sẽ cung cấp dịch vụ pháp lý trong giải quyết tranh chấp thương mại và đầu tư; các dịch vụ hỗ trợ tư pháp như công chứng, quản tài viên; tư vấn pháp lý; pháp chế doanh nghiệp/ngân hàng (hợp đồng, quản lý lao động, quản trị công ty, tuân thủ pháp luật, đại diện tố tụng). Với hơn 857.551 doanh nghiệp trong cả nước (số liệu thống kê 2021)² thì nhu cầu riêng về pháp chế doanh nghiệp được xem là khá lớn. Riêng ở Tp. Hồ Chí Minh (nhu cầu tuyển dụng hằng năm là hơn 300.000 người), nhóm ngành quản lý kinh tế và pháp lý luôn nằm trong tốp cao về nhu cầu tuyển dụng³. Cho nên nền kinh tế hiện tại và tương lai đang khan hiếm nhân sự có chất lượng về ngành Luật Kinh tế, song sự thực tiễn đào tạo vẫn chưa thể đáp ứng kịp thời⁴.

Ngoài ra, sự mở rộng các mối quan hệ dân sự - kinh tế gắn với tốc độ phát triển và hội nhập kinh tế mạnh mẽ của nước ta hiện nay cũng đòi hỏi một đội ngũ luật sư – tư vấn pháp lý kinh tế chuyên nghiệp tương xứng về số lượng và chất lượng, tuy nhiên, tỷ lệ luật sư/người dân ở nước ta vẫn còn thấp (1/6.000). Nếu so sánh với ở Thái Lan với tỷ lệ 1/1.526 thì chúng ta sẽ cần thêm khoảng 49.000 luật sư để đạt tỷ lệ như nước này. Theo ý kiến của một luật sư lành nghề pháp lý thương mại và đầu tư ở Việt Nam thì hoạt động luật sư trong tương lai cần chuyển từ hỗ trợ cho hoạt động tư pháp và đảm bảo pháp quyền sang là một ngành dịch vụ như bao ngành kinh tế khác nhằm phù hợp với cam kết hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta.⁵ Điều này là chưa kể đến việc nhân sự ngành Luật Kinh tế hoàn toàn có thể làm việc trong hệ thống tư pháp và cơ quan hành chính nhà nước cũng như có thể trở thành giảng viên chuyên ngành ở các trường cao đẳng, đại học.

Việc mở ngành Luật Kinh tế còn góp phần thực hiện mục tiêu đến năm 2030 “Hoàn thành cơ bản việc xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân” theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới. Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII nêu rõ: “Tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật của người dân và **doanh nghiệp**. Phát triển hoạt động **dịch vụ pháp lý** và các thiết chế giải quyết tranh chấp ngoài tòa án.

² Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2022, Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam 2022, Nxb Thống Kê.

³ Tạp chí Giáo dục, Thị trường lao động Thành phố Hồ Chí Minh và các vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, <https://tapchigiaoduc.moet.gov.vn/vi/dao-tao-viec-lam/dao-tao-viec-lam/thi-truong-lao-dong-cua-thanh-pho-ho-chi-minh-va-cac-vung-kinh-te-trong-diem-phia-nam-90.html>

⁴ Nguyễn Lê Anh, Vũ Thanh Tùng, Thực trạng thiếu hụt nhân lực ngành Luật Kinh tế ở Việt Nam hiện nay, Hội thảo “Các vấn đề đương đại trong lĩnh vực Kinh tế và Pháp luật: từ lý thuyết đến thực tiễn”, Đại học Trà Vinh - 2020.

⁵ Nguyễn Mạnh Dũng, Phát triển đội ngũ luật sư phục vụ hội nhập quốc tế, Liên đoàn Luật sư Việt Nam, <https://liendoanluatsu.org.vn/phat-trien-doi-ngu-luat-su-phuc-vu-hoi-nhap-quoc-te/>

Nâng cao hiệu quả và rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp, thi hành án trong lĩnh vực dân sự hành chính, **đầu tư, kinh doanh, thương mại và bảo vệ người tiêu dùng**".

1.2. Sự phù hợp với chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo

Từ năm 2007, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã định hướng phát triển Trường Đại học Cần Thơ trở thành trường trọng điểm quốc gia với mục tiêu trở thành trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực của cả nước, một trung tâm đào tạo - nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mạnh của vùng đồng bằng sông Cửu Long, một địa chỉ tin cậy của giới công nghiệp và doanh nghiệp.⁶ Với vị thế và sự đầu tư mạnh mẽ về chủ trương, nguồn lực và cơ hội hợp tác quốc tế như hiện nay, chiến lược phát triển của nhà trường trong giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến năm 2030 là (1) nơi thu hút đầu vào chất lượng, đào tạo nguồn nhân lực tinh hoa có năng lực cạnh tranh và sức ảnh hưởng trên thị trường lao động của quốc gia và khu vực; (2) nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mang tầm khu vực, hướng đến các sản phẩm khoa học tích hợp đặc trưng có giá trị cao, xúc tác ươm tạo khởi nghiệp và sáng tạo; và (3) trở thành mắt xích quan trọng trong chuỗi các hoạt động kinh tế - văn hóa - xã hội, đảm bảo yêu cầu phát triển thịnh vượng và bền vững của vùng và cả nước.⁷

Là một đơn vị đào tạo trực thuộc Trường Đại học Cần Thơ từ năm 2000, Khoa Luật đã dần khẳng định uy tín của mình sau hơn 20 năm đào tạo nguồn nhân lực pháp lý cho vùng đồng bằng sông Cửu Long. Đến nay đã có nhiều cựu sinh viên của Khoa trở thành cán bộ chủ chốt trong các cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan tư pháp của vùng. Ở giai đoạn mới của hội nhập và phát triển kinh tế đất nước, đặc biệt là chiến lược phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long của Đảng và Nhà nước hiện đang được khẩn trương triển khai⁸, Khoa Luật - Trường Đại học Cần Thơ nhận thấy sự cần thiết trong cải tiến hoạt động đào tạo để thích ứng với điều kiện mới. Bên cạnh đó cũng nhằm củng cố và giữ vững vị trí hàng đầu của Khoa Luật, Trường Đại học Cần Thơ trong đào tạo nguồn nhân lực pháp lý cho khu vực và cũng là để phù hợp với chiến lược phát triển chung của nhà trường. Thêm vào đó, nhu cầu nguồn nhân lực pháp lý đang dịch chuyển mạnh mẽ sang hướng phục vụ cho một nền kinh tế năng động thay vì chỉ cung ứng nhân sự cho bộ máy nhà nước như trước đây. Vì thế, mở ngành đào tạo Luật Kinh tế là một trong những bước để Khoa Luật - Trường Đại học Cần Thơ ngày càng đáp ứng với nhu cầu xã hội và ươm mầm cho sự phát triển nhanh

⁶ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quyết định số 6004/QĐ-BGDĐT phê duyệt Đề án qui hoạch tổng thể Trường đại học Cần Thơ trọng điểm đến năm 2020,

https://www.ctu.edu.vn/images/upload/vbdl/vbcb/6004_2007_QD_BGDDT.pdf

⁷ Trường Đại học Cần Thơ, Chiến lược phát triển Trường Đại học Cần Thơ giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030, <https://www.ctu.edu.vn/chienluoc/ctu.pdf>

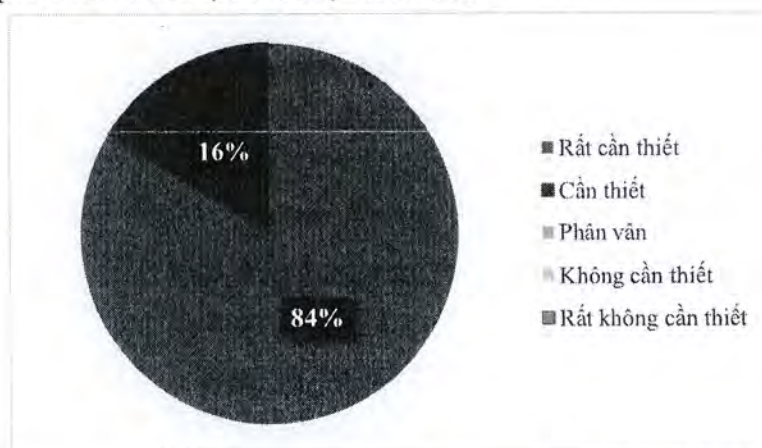
⁸ Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2/4/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

và bền vững trong tương lai.

2. Lý do mở ngành đào tạo

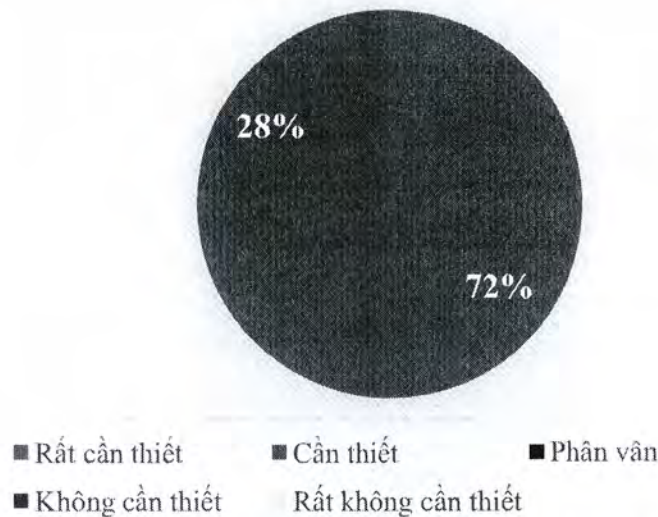
2.1. Đánh giá về mức độ cần thiết và nhu cầu việc làm của ngành Luật Kinh tế thông qua khảo sát

Để có góc nhìn thực tiễn về sự cần thiết của ngành đào tạo sắp mở cũng như nhu cầu việc làm, Khoa Luật đã tiến hành khảo sát 03 đối tượng liên quan đến ngành Luật Kinh tế gồm: **38** chuyên gia, **32** doanh nghiệp/người sử dụng lao động, và **60** người học tiềm năng. Các khảo sát được tiến hành bằng hình thức cả trực tiếp và trực tuyến; bảng hỏi được thiết kế dựa trên biểu mẫu theo Quyết định 4799/QĐ-ĐHCT ngày 21/10/2022 và hướng dẫn của Trung tâm Quản lý chất lượng - Trường Đại học Cần Thơ. Kết quả khảo sát được thể hiện như sau:

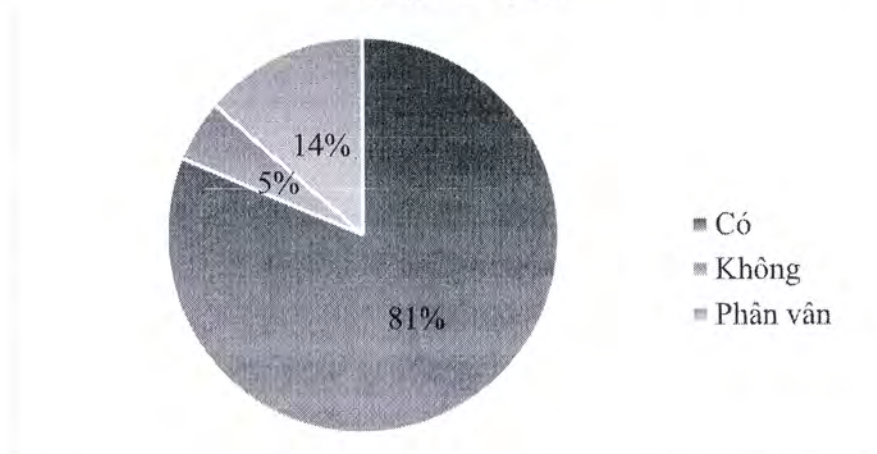


Hình II.1. Khảo sát mức độ cần thiết của ngành Luật Kinh tế - Chuyên gia

Khảo sát chuyên gia được Khoa Luật tiến hành trong tháng 11/2022 nhằm làm tiền đề cho Tờ trình xin chủ trương mở ngành Luật Kinh tế vào đầu tháng 12/2022. Chuyên gia được lấy ý kiến ở đây là các nhà quản lý, nhà chuyên môn ngành luật từ cấp Phó trưởng phòng trở lên (hoặc tương đương) ở cơ quan quản lý nhà nước, Thẩm phán trở lên (hoặc tương đương) đối với cơ quan tư pháp, Phó giám đốc trở lên (hoặc tương đương) đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ pháp lý, và lãnh đạo các Khoa có đào tạo cử nhân luật tại đồng bằng sông Cửu Long. Kết quả cho thấy có **84%** chuyên gia cho rằng “Rất cần thiết” để mở ngành đào tạo Luật Kinh tế tại Khoa Luật – Trường Đại học Cần Thơ và **16%** chuyên gia có ý kiến là “Cần thiết”. Không có chuyên gia nào lựa chọn “Phân vân” hay “Không cần thiết” hoặc “Rất không cần thiết”. Qua đây cho thấy ngành Luật Kinh tế là một ngành học cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường lao động và thực tiễn xã hội.



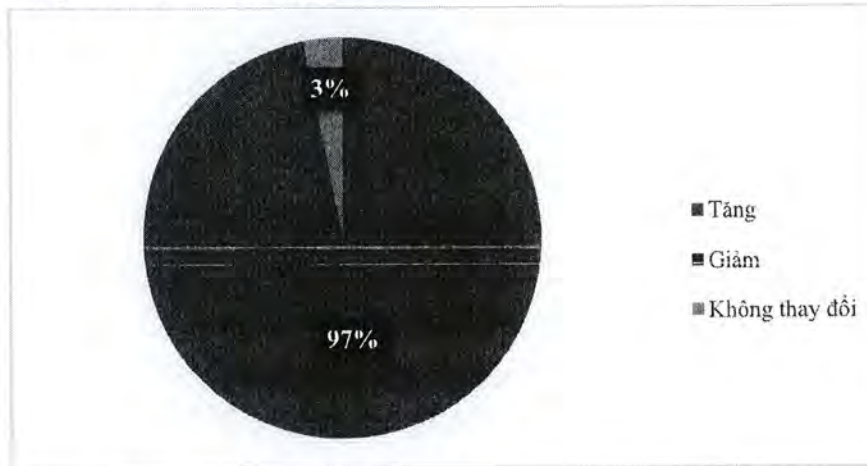
Hình II.2. Khảo sát mức độ cần thiết của ngành Luật Kinh tế - Người sử dụng lao động



Hình II.3. Khảo sát mức độ cần thiết của ngành Luật Kinh tế - Người học

Khảo sát đối với doanh nghiệp, người sử dụng lao động (Biểu đồ II.2.) và người học tiềm năng (II.3.) được Khoa Luật tiến hành trong tháng 02/2023, sau khi chủ trương mở ngành đào tạo được nhà trường thông qua. Ở đây có một số khảo sát đến từ các chuyên gia (là đối tượng của Biểu đồ II.1.) nhưng cũng thực hiện trên tư cách là người sử dụng lao động. Ngoài ra, Đề án còn tiến hành khảo sát một số công ty/văn phòng luật và doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Cần Thơ. Kết quả khảo sát cho thấy **72%** doanh nghiệp, người sử dụng lao động cho rằng mở ngành đào tạo Luật Kinh tế là “Rất cần thiết”. Trong khi đó **28%** doanh nghiệp, người sử dụng lao động cho là “Cần thiết”. Không có ý kiến nào “Phân vân” hay “Không cần thiết” hoặc “Rất không cần thiết”. Số liệu trên cho thấy Luật Kinh tế là ngành học được đánh giá cao để phục vụ cho nhu cầu của thị trường lao động hiện nay. Tương tự, Biểu đồ II.3. cho thấy **81%** người học tiềm năng cho rằng có nhu cầu học ngành đào tạo Luật Kinh tế dự kiến mở; **14%** là “Phân vân” và chỉ có **5%** là không có nhu cầu học. Người học

tiềm năng ở đây là các học sinh trung học phổ thông, sinh viên của các ngành liên quan (như Kinh tế), và đối tượng có thể có nhu cầu học bằng 2 ngành Luật Kinh tế. Tỷ lệ này cho thấy người học hiện nay đang có nhu cầu lớn đối với ngành Luật Kinh tế; cho nên, mở ngành đào tạo này sẽ đáp ứng kịp thời nhu cầu và xu hướng nghề nghiệp của người học trong hiện tại và tương lai.



Hình II.4. Nhu cầu tuyển dụng trong tương lai

Nhu cầu trong tương lai của ngành Luật Kinh tế được khảo sát từ đối tượng là chuyên gia và doanh nghiệp/người sử dụng lao động với kết quả thu được gần như là giống nhau. **97%** các chuyên gia và doanh nghiệp/người sử dụng lao động tham gia khảo sát cho rằng nhu cầu lao động ngành Luật Kinh tế trong tương lai sẽ “Tăng”; trong khi đó, chỉ có **3%** nhận định rằng tỷ lệ việc làm đối với ngành này là “Không thay đổi”. Không có ý kiến thể hiện tỷ lệ việc làm sẽ “Giảm” trong tương lai. Kết quả khảo sát cho thấy người học tốt nghiệp từ ngành này có cơ hội nghề nghiệp cao, có khả năng tìm được công việc phù hợp với chuyên môn đào tạo của mình.

2.2. Sự cần thiết đào tạo ngành Luật Kinh tế trình độ đại học ở đồng bằng sông Cửu Long

Nghị quyết 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu do Chính phủ ban hành đề cập một trong các giải pháp phát triển bền vững khu vực này là đẩy mạnh công tác phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 cũng nhấn mạnh giải pháp phát triển các trường đại học, cao đẳng chất lượng cao, đa ngành..., trong đó có phát triển Thành phố Cần Thơ thành trung tâm đào tạo cấp quốc gia và vùng. Ngoài ra, Quy hoạch phát triển vùng ĐBSCL thời kỳ 2021- 2030 định hướng đến năm 2050 của Thủ tướng Chính phủ (ngày 28/02/2022) chủ trương phát triển Thành phố Cần Thơ là trung tâm công nghiệp - thương mại - dịch vụ, là đầu mối liên kết các hành lang kinh tế của toàn vùng. Theo vị trí việc làm, có rất nhiều vị trí công việc dành cho cử nhân ngành

Luật Kinh tế nhất là khi hoạt động kinh tế trong khu vực ngày càng được chú trọng đầu tư và phát triển, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế tư nhân. Vì thế, việc mở ngành Luật Kinh tế là thật sự cần thiết, góp phần nâng cao số lượng và chất lượng nguồn nhân lực pháp lý phục vụ cho sự phát triển khu vực ĐBSCL.

2.3. Định hướng phát triển của Trường Đại học Cần Thơ và Khoa Luật

Ngày 25/6/2021, Hội đồng Trường Đại học Cần Thơ đã ban hành Nghị quyết số 34/NQ-HĐT phê duyệt chủ trương chuyển Trường Đại học Cần Thơ thành Đại học Cần Thơ với vai trò, chức năng và thẩm quyền tương xứng với vị thế của nhà trường đối với vùng và quốc gia.⁹ Tiếp đó trong năm 2022 đã có 05 trường chuyên ngành được thành lập đó là Trường Nông Nghiệp (trên cơ sở Khoa Nông nghiệp), Trường Kinh tế (trên cơ sở Khoa Kinh tế); Trường Công nghệ thông tin và Truyền thông (trên cơ sở Khoa Công nghệ thông tin và Truyền thông); Trường Bách Khoa (trên cơ sở Khoa Công nghệ); và Trường Thủy sản (trên cơ sở Khoa Thủy sản). Cùng bước chuyển mình về vị thế và năng lực đào tạo nói trên, Đảng ủy Khoa Luật vừa ban hành Đề án phát triển Khoa Luật với nỗ lực trở thành Trường Luật thuộc Trường Đại học Cần Thơ vào năm 2030 để tương xứng với vị trí dẫn đầu trong đào tạo nguồn nhân lực pháp lý chất lượng cao cho vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Mục tiêu chung của Đề án¹⁰ là: *“Đến năm 2030, Khoa Luật phải hoàn thành hồ sơ thành lập Trường Luật thuộc Đại học Cần Thơ trên cơ sở đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật; nâng cao chất lượng đào tạo và chất lượng nghiên cứu khoa học, đóng góp tích cực vào tiến trình phát triển kinh tế - xã hội của vùng và cả nước.”* Và tầm nhìn phát triển đến năm 2045 của Khoa Luật sẽ là: *“Đến năm 2045, Khoa Luật – Trường Đại học Cần Thơ sẽ trở thành một trong những trường Luật hàng đầu về chất lượng của Việt Nam, có những đóng góp nhất định trong đào tạo đại học, sau đại học và nghiên cứu khoa học pháp lý trên bình diện quốc tế, thực hiện tích cực vai trò phục vụ cộng đồng.”* Để đạt được mục tiêu trên, Khoa Luật định hướng từ nay đến năm 2030 sẽ mở thêm ít nhất 02 ngành bậc cử nhân, trong đó có ngành Luật Kinh tế. Vì thế việc xúc tiến mở ngành đào tạo Luật Kinh tế trình độ đại học là hoàn toàn phù hợp với chiến lược phát triển chung của nhà trường và định hướng phát triển của Khoa, kế thừa chuyên ngành đào tạo Luật Thương mại đã và đang giảng dạy tại Khoa trong hơn 20 năm qua. Hơn nữa, việc mở ngành đào tạo này sẽ tạo ra sự liên thông về trình độ đào tạo trong khi Khoa Luật đã giảng dạy chương trình thạc sĩ ngành Luật Kinh tế hơn 10 năm nay và định hướng sẽ mở chương trình tiến sĩ ngành Luật Kinh tế khi đủ điều kiện. Điều này vừa đáp ứng nhu cầu nâng cao trình độ liên tục của người

⁹ Trường Đại học Cần Thơ, Văn bản của Hội đồng Trường,

https://www.ctu.edu.vn/images/upload/vbdh/hdt/NQ_34_Chủ_trương_thành_Dại_học_Cần_Thơ.pdf

¹⁰ Đảng ủy Khoa Luật, Đề án số 01-ĐA/ĐU v/v Phát triển Khoa Luật đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2045, 18/11/2022.

học vừa đảm bảo tính chuyên sâu, thống nhất về mặt chuyên môn.

III. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Sau khi chủ trương mở ngành Luật Kinh tế được Hội đồng Trường Đại học Cần Thơ chấp nhận và đưa vào Nghị quyết hoạt động năm 2023 của nhà trường, Khoa Luật đã khẩn trương đề xuất để thành lập Hội đồng xây dựng CTĐT vào ngày 3/02/2023, tổ chức Hội nghị lấy ý kiến các bên liên quan về xây dựng CTĐT vào ngày 16/2/2023 và tiến hành họp Hội đồng thẩm định CTĐT vào ngày 24/2/2023. Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế vì thế đã được xây dựng theo đúng quy trình thủ tục, có sự tham gia góp ý tích cực từ các chuyên gia, người sử dụng lao động, người học, và đại diện quản lý đào tạo của nhà trường. Hội đồng xây dựng CTĐT đã tham khảo CTĐT của 03 đơn vị trong nước có đào tạo ngành Luật Kinh tế là Trường Đại học Thương mại, Trường Đại học Vinh, và Trường Đại học mở Tp. Hồ Chí Minh (tất cả đều đã đạt kiểm định chất lượng CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo) và CTĐT tương tự từ 03 trường đại học có xếp hạng cao ở Châu Âu là Đại học Padua - Ý, Đại học Innsbruck - Áo, và Đại học Kent - Anh.

1. Chương trình đào tạo

Ngành: **Luật Kinh tế** (Economic Law). Mã ngành: **7380107**.

Hệ đào tạo: Chính quy. Thời gian đào tạo: 04 năm. Danh hiệu: Cử nhân.

Đơn vị quản lý: Khoa Luật

1.1. Mục tiêu đào tạo

1.1.1. Mục tiêu đào tạo chung

Chương trình đào tạo cử nhân Luật Kinh tế của Khoa Luật – Trường Đại học Cần Thơ, với triết giáo dục “Rèn tâm thiện - Luyện trí minh”, nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có kiến thức chuyên môn toàn diện, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực pháp lý, có kỹ năng thực hành nghề luật. Bên cạnh đó, Chương trình đào tạo trang bị cho người học có ý thức trách nhiệm công dân, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe, có năng lực tự chủ và trách nhiệm, năng lực điều hành hoạt động chuyên môn và thích ứng với thay đổi, có năng lực nghiên cứu khoa học, có khả năng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long và của Việt Nam.

1.1.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể

Chương trình đào tạo đại học ngành Luật Kinh tế trình độ đại học:

- a. Trang bị cho người học kiến thức về khoa học xã hội, chính trị, quốc phòng an ninh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, và giáo dục thể chất.
- b. Trang bị cho người học kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong lĩnh vực pháp Luật Kinh tế và liên quan.
- c. Trang bị cho người học kỹ năng nghiên cứu và chuyên môn nhằm thực hiện

tốt công việc và kỹ năng mềm cần thiết trong hoạt động nghề nghiệp, thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau và đáp ứng nhu cầu làm việc trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

d. Rèn luyện cho người học có thái độ học tập suốt đời, có năng lực tự chủ và trách nhiệm, có ý thức tổ chức, kỷ luật, tư tưởng chính trị và có đạo đức nghề nghiệp tốt.

1.2. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo trình độ đại học, ngành Luật Kinh tế, người học nắm vững các kiến thức, có những kỹ năng và thể hiện được mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân như sau:

1.2.1 Kiến thức

1.2.1.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương

a. Vận dụng, liên kết được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, an ninh, quốc phòng, học thuyết pháp lý và quyền con người ứng dụng trong hoạt động kinh doanh.

b. Vận dụng hiệu quả kiến thức cơ bản về sáng tạo, khởi nghiệp, giáo dục thể chất và kỹ năng mềm hỗ trợ tốt cho công việc.

c. Vận dụng được kiến thức về công nghệ thông tin, ngoại ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Pháp tương đương trình độ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B1 theo khung tham chiếu Châu Âu).

1.2.1.2 Khối kiến thức cơ sở ngành

a. Vận dụng tốt kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong hoạt động nghiên cứu, áp dụng pháp luật về kinh tế, quản lý và điều hành hoạt động chuyên môn pháp lý trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại.

b. Vận dụng hiệu quả kiến thức về nhà nước, pháp luật, hiến pháp, luật so sánh làm nền tảng để nghiên cứu, áp dụng kiến thức chuyên ngành Luật Kinh tế.

c. Áp dụng hiệu quả các kiến thức liên ngành thuộc các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

d. Vận dụng tốt thuật ngữ pháp lý tiếng Anh hoặc tiếng Pháp để tiếp cận hiệu quả kiến thức chuyên ngành và hệ thống pháp luật của các quốc gia trên thế giới.

1.2.1.3 Khối kiến thức chuyên ngành

a. Vận dụng tốt kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong lĩnh vực pháp luật về nội dung có liên quan đến hoạt động kinh doanh, thương mại.

b. Áp dụng tốt kiến thức pháp luật về hình thức, giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại.

c. Vận dụng tốt kiến thức pháp luật quốc tế, pháp luật nước ngoài nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

d. Ứng dụng tốt kiến thức về soạn thảo văn bản, nghiệp vụ, thực hành và đạo đức nghề luật trong hoạt động pháp lý có liên quan đến kinh doanh, nghiên cứu và áp dụng pháp luật nhằm đề xuất, kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam liên quan, phục vụ cho hoạt động kinh doanh, thương mại.

1.2.2 Kỹ năng

1.2.2.1 Kỹ năng cứng

a. Nghiên cứu, tìm giải pháp và giải quyết được các vấn đề pháp lý, sử dụng cơ sở dữ liệu để tìm kiếm, phân loại, sắp xếp các văn bản QPPL, án lệ phục vụ cho công việc của mình.

b. Kết hợp hiệu quả các kỹ năng thuyết trình, báo cáo chuyên đề, tư vấn phân biện về chuyên môn và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.

c. Vận dụng tốt các thuật ngữ pháp lý chuyên ngành bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp, nghiên cứu trong lĩnh vực pháp luật liên quan đến kinh tế.

1.2.2.2 Kỹ năng mềm

a. Truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; kỹ năng chuyển tải, phổ biến kiến thức chuyên môn.

b. Vận dụng tốt kỹ năng ngoại ngữ và công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp, nghiên cứu trong lĩnh vực pháp luật; thực hiện thuần thục kỹ năng soạn thảo các loại văn bản.

c. Làm việc nhóm, đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm; thực hiện nhiệm vụ cụ thể, dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

1.2.3 Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân

a. Thể hiện rõ thái độ, khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

b. Sẵn sàng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ; định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; có tác phong hành nghề chuyên nghiệp, có ý thức kỷ luật và có đạo đức nghề nghiệp.

c. Có khả năng tự định hướng, lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động, học tập suốt đời.

1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Chuyên viên về pháp luật kinh tế tại các tập đoàn, tổ chức kinh tế, các tổ chức tín dụng, các văn phòng, công ty trong lĩnh vực pháp luật, các cơ quan pháp luật, cơ quan tư pháp ở trung ương, các cơ quan nhà nước khác ở Trung Ương, các cơ quan nhà nước địa phương, tổ chức chính trị, chính trị xã hội;

- Thư ký, chuyên viên hành chính - nhân sự trong các tổ chức kinh tế;
- Nghiên cứu viên về pháp luật;
- Tư vấn viên về pháp luật;
- Hòa giải viên, Trọng tài viên, Quản tài viên, Trợ giúp viên pháp lý;
- Các chức danh tư pháp (sau khi hoàn thành thêm các chứng chỉ theo từng ngành, nghề).

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi hoàn thành chương trình

- Đủ điều kiện học sau đại học (chương trình thạc sĩ) chuyên ngành luật trong nhóm ngành đúng, ngành gần theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đủ điều kiện học các chương trình đào tạo luật sư và các chức danh tư pháp.

1.5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà đơn vị tham khảo

1.5.1 Các tài liệu tham khảo

Luật Giáo dục năm 2019, Luật Giáo dục đại học năm 2012 (sửa đổi năm 2018); Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, định chi hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Khung Trình độ quốc gia Việt Nam năm 2016; Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học; Khung Năng lực ngoại ngữ Việt Nam; yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ đại học (Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT); Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (Thông tư 03/2014/TT-BTTTT); Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học (Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016); Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cấp chương trình đào tạo của AUN-QA (phiên bản 2015, 2020); Đề án số 01-ĐA/ĐU ngày 18/11/2022 của Đảng ủy Khoa Luật về Phát triển Khoa Luật đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

1.5.2 Các Chương trình đào tạo tham khảo

1.5.2.1 Chương trình đào tạo đại học ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Thương mại

(Đã đạt kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo vào tháng 3 năm 2022).

Nội dung chương trình:

https://tmu.edu.vn///upload/tmu_old/news/2022_06/13cdr-luat-kinh-te.pdf

1.5.2.2 Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Mở Tp.HCM

(Đã đạt kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo vào tháng 01

năm 2022)

Nội dung chương trình:

<http://khoaluat.ou.edu.vn/public/uploads/ck/media/files/CTDT-Nganh%20Luat%20Kinh%20te-2019.pdf>

1.5.2.3 Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Vinh

(Đã đạt kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo vào tháng 6 năm 2021).

Nội dung chương trình:

<https://vinhuni.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-c02.01.0310vp0a0.html>

1.5.2.4 Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học PADUA (Italia)

Nội dung chương trình:

<https://www.unipd.it/en/educational-offer/first-cycle-degree/economics-and-political-science?ordinamento=2018&key=SP1841&tipo=L&scuola=EP>

Nội dung tham khảo các môn học: Luật hiến pháp, Luật thương mại, Luật lao động, Luật hành chính, Luật quốc tế, Luật so sánh...

1.5.2.5 Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Innsbruck (Austria)

Nội dung chương trình:

https://www.uibk.ac.at/fakultaeten-servicestelle/pruefungsreferate/studienplaene/english-version/ba-wirtschaftsrecht_stand-01.10.2020_en.pdf

Nội dung tham khảo các môn học: Luật lao động, Luật dân sự, Luật an sinh xã hội, Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật tài chính, Luật hình sự, Luật cạnh tranh, Luận văn tốt nghiệp.

1.5.2.6 Chương trình đào tạo ngành Luật và kinh tế của Trường Đại học Kent (United Kingdom)

Nội dung chương trình:

https://www.kent.ac.uk/courses/undergraduate/327/law-and-economics?utm_campaign=KentUSCAN&utm_source=Study.eu&utm_medium=Listings#tab--stage3

Nội dung tham khảo các môn học: Luật đất đai, Luật hình sự, Luật so sách, học thuyết pháp lý, Luật môi trường, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động, Luật bảo vệ người tiêu dùng, Luật quốc tế, Luật thừa kế...

1.6. Chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện	
Khối kiến thức Giáo dục đại cương											
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bố trí theo nhóm ngành			
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8	Bố trí theo nhóm ngành			
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		24	21	Bố trí theo nhóm ngành			
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56	Bố trí theo nhóm ngành			
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90			I,II,III	
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		AV	60				I,II,III	
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023		I,II,III	
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024		I,II,III	
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025		I,II,III	
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031		I,II,III	
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032		I,II,III	
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			PV	60				I,II,III
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3				45		FL001		I,II,III
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3				45		FL002		I,II,III
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4				60		FL003		I,II,III
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3		45			FL007		I,II,III	
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3		45			FL008		I,II,III	
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15				I,II,III	
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60	TN033		I,II,III	
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				I,II,III	
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		I,II,III	
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		I,II,III	
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		I,II,III	
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		I,II,III	
25	KL051	Quyền con người	2	2		30				I,II	
26	ML007	Logic học đại cương	2		6	30				I,II,III	
27	XH028	Xã hội học đại cương	2			30					I,II,III
28	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20				I,II,III
29	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30					I,II,III
30	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20				I,II,III
31	KL233E	Học thuyết pháp lý	2			30					I,II
32	KL113E	Lịch sử nhà nước và Pháp luật	2			30					I,II
Cộng: 43 TC (Bắt buộc 24 TC; Tự chọn: 19 TC)											
Khối kiến thức cơ sở ngành											
33	KL101	Lý luận Nhà nước và pháp luật 1	2	2		30				I,II	
34	KL102	Lý luận Nhà nước và pháp luật 2	2	2		30		KL101		I,II	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
35	KL301	Luật hiến pháp 1	2	2		30				I,II
36	KL302	Luật hiến pháp 2	2	2		30		KL301		I,II
37	KL210	Pháp luật về quy hoạch và giải phóng mặt bằng	2	2		30		KL327		I,II
38	KL105	Luật so sánh	2	2		30		KL102		I,II
39	KL115	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Luật	2	2		30		KL102		I,II
40	KL127	Luật hành chính	3	3		45			KL102	I,II
41	KL122	Luật hôn nhân và gia đình	2	2		30		KL231		I,II
42	KL118	Luật hình sự phần chung	2	2		30				I,II
43	KL119	Luật hình sự phần riêng	2	2		30		KL118		I,II
44	KL371	Luật tố tụng hình sự	2	2		30		KL119		I,II
45	KL231	Luật dân sự: Chủ thể, tài sản, quyền sở hữu và quyền thừa kế	2	2		30				I,II
46	KL133	Luật dân sự: Nghĩa vụ dân sự	2	2		30		KL231		I,II
47	KL375	Công pháp quốc tế	3	3		45		KL302		I,II
48	KL327	Luật đất đai	3	3		45		KL302		I,II
49	KL213	Luật môi trường	3	3		45				I,II
50	KL116	Thuật ngữ pháp lý - Tiếng Anh	2		2	30		XH025		I,II
51	KL117	Thuật ngữ pháp lý - Tiếng Pháp	2			30		FL003		I,II
Cộng: 40 TC (Bắt buộc: 38 TC; Tự chọn: 2 TC)										
Khối kiến thức chuyên ngành										
52	KL214	Pháp luật về thương nhân	3	3		45			KL231	I,II
53	KL215	Luật thương mại	3	3		45		KL214		I,II
54	KL230	Luật tố tụng thương mại và phá sản	3	3		45		KL215		I,II
55	KL384	Luật về kinh doanh bất động sản	2	2		30		KL327	KL215	I,II
56	KL331	Tư pháp quốc tế 1	2	2		30			KL231	I,II
57	KL332	Tư pháp quốc tế 2	2	2		30		KL331		I,II
58	KL232	Luật thương mại quốc tế tư	3	3		45		KL331		I,II
59	KL393	Pháp luật về đầu tư	2	2		30		KL214		I,II
60	KL322	Luật lao động 1	2	2		30				I,II
61	KL218	Luật lao động 2	2	2		30		KL322		I,II
62	KL228	Luật ngân sách nhà nước	2	2		30		KL302, KL127		I,II
63	KL219	Luật thuế	3	3		45		KL214, KL228		I,II
64	KL388	Luật ngân hàng	2	2		30		KL214		I,II
65	KL335	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	2	2		30		KL302		I,II
66	KL235	Pháp luật về cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	3	3		45		KL215		I,II
67	KL396	Pháp luật về thương mại điện tử	2	2		30		KL215		I,II

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
68	KL374	Luật tố tụng dân sự	2	2		30		KL133		I,II
69	KL391E	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	2			30			KL214	I,II
70	KL392E	Pháp luật về hoạt động xuất nhập khẩu	2			30		KL215		I,II
71	KL427	Pháp luật về hợp đồng trong thương mại	2			30			KL215	I,II
72	KL428E	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm	2		8	30			KL215	I,II
73	KL406	Thực hành nghề Luật	2			12	36	≥ 70 TC		I,II,III
74	KL217	Luật thương mại quốc tế công	2			30		KL375		I,II
75	KL236	Pháp luật về khiếu nại và khiếu kiện	2			30		KL127		I,II
76	KL221	Kỹ thuật soạn thảo hợp đồng thương mại	2			30		KL215	KL427	I,II
77	KL370	Luận văn tốt nghiệp - Luật	10				300	≥105 TC		I,II
78	KL411	Tiểu luận tốt nghiệp - Luật	4				120	≥105 TC		I,II
79	KL424	Luật thương mại chuyên sâu	4			60		KL230		I,II
80	KL344E	Bảo đảm nghĩa vụ	2			30		KL302		I,II
81	KL425E	Pháp luật về các hiệp định thương mại	2			30		KL217		I,II
82	KL431	Thực tập tốt nghiệp	2				60	≥105 TC	KL411	I,II
83	KL395E	Luật thuế quốc tế	2		10	30		KL219		I,II
84	KL199	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2			30				I,II
85	KL234E	Pháp luật về kinh doanh dịch vụ Logistics	2			30		KL215		I,II
86	KL397	Nghiệp vụ toà án	2			15	30	≥105 TC		I,II
87	KL380E	Luật an sinh xã hội	2			30				I, II
88	KL198	Đạo đức nghề luật	2			16	28			I, II
Cộng: 58 TC (Bắt buộc: 40 TC; Tự chọn: 18 TC)										
Tổng cộng: 141 TC (Bắt buộc: 102 TC; Tự chọn: 39 TC)										

2. Kế hoạch đào tạo/giảng dạy

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Song hành
Năm thứ nhất - Học kỳ I									
1	QP010E	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 1	2	2		37	8	Bố trí theo nhóm ngành	
2	QP011E	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 2	2	2		22	8	Bố trí theo nhóm ngành	
3	QP012	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 3	2	2		14	16	Bố trí theo nhóm ngành	
4	QP013	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	2		4	56	Bố trí theo nhóm ngành	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Song hành
		4							
5	KL101	Lý luận nhà nước & pháp luật 1	2	2		30			
6	TN033	Tin học căn bản	1	1		15			
7	TN034	TT. Tin học căn bản	2	2			60		TN033
		Cộng	13	13	0				
Năm thứ nhất - Học kỳ II									
1	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45			
2	KL102	Lý luận nhà nước & pháp luật 2	2	2		30		KL101	
3	KL301	Luật hiến pháp 1	2	2		30			
4	KL051	Quyền con người	2	2		30			
5	KL231	Luật dân sự: Chủ thể, tài sản, quyền sở hữu và quyền thừa kế	2	2		30			
6	KL118	Luật hình sự phần chung	2	2		30			
7	ML007	Logic học đại cương	2			30			
8	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			
9	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20		
10	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2		2	30			SV tự chọn
11	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20		
12	KL113E	Lịch sử nhà nước và pháp luật	2			30			
13	KL233E	Học thuyết pháp lý	2			30			
14	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4			60			
15	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4		4	60			SV tự chọn
16	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			60			
17	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4			60			
		Cộng	19	13	6				
Năm thứ hai - Học kỳ I									
1	KL214	Pháp luật về thương nhân	3	3		45			KL231
2	KL119	Luật hình sự phần riêng	2	2		30		KL118	
3	KL133	Luật dân sự: Nghĩa vụ dân sự	2	2		30		KL231	
4	KL122	Luật hôn nhân & gia đình	2	2		30		KL231	
5	KL322	Luật lao động 1	2	2		30			
6	KL302	Luật hiến pháp 2	2	2		30		KL301	
7	KL127	Luật hành chính	3	3		45			KL102
8	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014	
9	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016	
		Cộng	20	20	0				
Năm thứ hai - Học kỳ II									
1	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023	
2	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3		3	45		XH031	
3	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		FL001	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Song hành
4	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45		FL007	
5	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018	
6	KL215	Luật thương mại	3	3		45		KL214	
7	KL371	Luật tố tụng hình sự	2	2		30		KL119	
8	KL374	Luật tố tụng dân sự	2	2		30		KL133	
9	KL375	Công pháp quốc tế	3	3		30		KL302	
10	KL218	Luật lao động 2	2	2		30		KL322	
11	TC100	Giáo dục thể chất 1 (*)	1		1		30		
12	ML007	Logic học đại cương	2		2	30			
13	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			
14	KN001	Kỹ năng mềm	2			30			
15	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			
16	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			30			
17	KL113E	Lịch sử nhà nước và pháp luật	2			30			
18	KL233E	Học thuyết pháp lý	2			30			
		Cộng	20	14	6				
Năm thứ ba - Học kỳ I									
1	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3		3	45		XH024	
2	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032	
3	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45		FL002	
4	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3			45		FL008	
5	KL230	Luật tố tụng thương mại và phá sản	3	3		45		KL215	
6	KL331	Tư pháp quốc tế 1	2	2		30			KL231
7	KL228	Luật ngân sách nhà nước	2	2		30		KL302, KL127	
8	TC100	Giáo dục thể chất 2 (*)	1		1		30		
9	KL327	Luật đất đai	3	3		45		KL302	
10	KL391E	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	2		4	30			KL214
11	KL392E	Pháp luật về hoạt động xuất nhập khẩu	2			30		KL215	
12	KL427	Pháp luật về hợp đồng trong thương mại	2			30			KL215
13	KL428E	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm	2			30			KL215
15	KL406	Thực hành nghề Luật	2			12	36	≥70 TC	
16	KL236	Pháp luật về khiếu nại và khiếu kiện	2			30		KL127	
17	KL221	Kỹ thuật soạn thảo hợp đồng thương mại	2			30		KL327	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Song hành
18	KL217	Luật thương mại quốc tế công	2			30		KL375	
19	ML007	Logic học đại cương	2		2	30			
20	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			
21	KN001	Kỹ năng mềm	2			30			
22	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			
23	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			30			
24	KL233E	Học thuyết pháp lý	2			30			
25	KL113E	Lịch sử nhà nước và pháp luật	2			30			
		Cộng	20	10		10			
Năm thứ ba - Học kỳ II									
1	TC100	Giáo dục thể chất 3 (*)	1		1		30		
2	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019	
3	KL332	Tư pháp quốc tế 2	2	2		30		KL331	
4	KL219	Luật thuế	3	3		45		KL214, KL228	
5	KL213	Luật môi trường	3	3		45			
6	KL210	Pháp luật về quy hoạch và giải phóng mặt bằng	2	2		30		KL327	
7	KL388	Luật ngân hàng	2	2		30		KL214	
8	KL391E	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	2		4	30			KL214
9	KL392E	Pháp luật về hoạt động xuất nhập khẩu	2			30		KL215	
10	KL427	Pháp luật về hợp đồng trong thương mại	2			30			KL215
11	KL428E	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm	2			30			KL215
12	KL406	Thực hành nghề Luật	2			12	36	≥70 TC	
13	KL236	Pháp luật về khiếu nại và khiếu kiện	2			30		KL127	
14	KL221	Kỹ thuật soạn thảo hợp đồng thương mại	2			30		KL327	
15	KL217	Luật thương mại quốc tế công	2			30		KL375	
		Cộng	19	14	5				
Năm thứ tư - Học kỳ I									
1	KL105	Luật so sánh	2	2		30		KL102	
2	KL116	Thuật ngữ pháp lý - Tiếng Anh	2		2	30		XH025	
3	KL117	Thuật ngữ pháp lý - Tiếng Pháp	2			30		FL003	
4	KL393	Pháp luật về đầu tư	2	2		30		KL214	
5	KL396	Pháp luật về thương mại điện tử	2	2		30		KL215	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Song hành
6	KL384	Luật về kinh doanh bất động sản	2	2		30		KL327	
7	KL232	Luật thương mại quốc tế tư	3	3		45		KL331	
8	KL335	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	2	2		30		KL302	
9	KL235	Pháp luật về cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	3	3		45		KL215	
10	KL115	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Luật	2	2		30		KL102	
		Cộng	20	18	2				
Năm thứ tư - Học kỳ II									
1	KL370	Luận văn tốt nghiệp - Luật	10				300	≥105 TC	
2	KL411	Tiểu luận tốt nghiệp - Luật	4				120	≥105 TC	
3	KL431	Thực tập tốt nghiệp (**)	2				60	≥105 TC	
4	KL424	Luật thương mại chuyên sâu	2			30			
5	KL344E	Bảo đảm nghĩa vụ	2			30			
6	KL425E	Pháp luật về các hiệp định thương mại	2			30			
7	KL395E	Luật thuế quốc tế	2		10	30			
8	KL199	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2			30			
9	KL234E	Pháp luật về kinh doanh dịch vụ Logistics	2			30			
10	KL397	Nghiệp vụ toà án	2			15	30	≥105 TC	
11	KL380E	Luật an sinh xã hội	2			30			
12	KL198	Đạo đức nghề luật	2			16	28		
		Cộng	10		10				
			141	102	39				

3. Đối sánh với các CTĐT ngành Luật Kinh tế

3.1. Giới thiệu các CTĐT được đối sánh

CTĐT ngành Luật Kinh tế (sửa đổi và cập nhật mới nhất) của Trường đại học Mở TPHCM được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2019 gồm 135 tín chỉ. Trong đó, số tín chỉ đại cương là 51, cơ sở ngành là 43, chuyên ngành là 41. CTĐT này đã được kiểm định bởi Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng và đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Thời gian của giát chứng nhận từ 22/01/2022 đến 22/01/2027.

CTĐT ngành Luật kinh tế (sửa đổi và cập nhật mới nhất) của Trường đại học Thương mại được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2022 gồm 131 tín chỉ. Trong đó, số tín chỉ đại cương là 41, cơ sở ngành là 29, chuyên ngành là 61. CTĐT này đã được kiểm định và đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục bởi Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học quốc gia Hà Nội và đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ

trường Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Thời gian của giấy chứng nhận từ 30/3/2022 đến 30/3/2027.

CTĐT ngành Luật Kinh tế (sửa đổi và cập nhật mới nhất) của Trường đại học Vinh được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2021 gồm 140 tín chỉ. Trong đó, số tín chỉ đại cương là 58, chuyên ngành là 82. CTĐT này đã được kiểm định và đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục bởi Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục – Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam và đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Thời gian của giấy chứng nhận từ 21/6/2021 đến 21/6/2026.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

HỘI ĐỒNG
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Chủ tịch:
TS. Đinh Văn Toàn
Cố vấn:
GS.TS. Nguyễn Quý Thanh
Thư ký:
TS. Nguyễn Thị Thu Hương
Ủy viên hội đồng:
PGS.TS. Bùi Duy Cam
PGS.TS. Huỳnh Văn Chương
GS.TS. Nguyễn Hữu Đức
ThS. Nguyễn Tuấn Hải
PGS.TSKH. Nguyễn Xuân Hải
PGS.TS. Nguyễn Đức Hình
GS.TS. Nguyễn Hòa
GS.TSKH. Bánh Tiến Long
GS.TS. Trần Văn Nam
GS.TS. Mai Trọng Nhuận
GS.TS. Phạm Hồng Quang
Thiếu tướng, TS. Trần Ngọc Thanh

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC -
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
CHỨNG NHẬN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH LUẬT KINH TẾ,
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

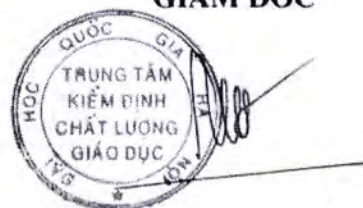
Địa chỉ: Số 79, Đường Hồ Tùng Mậu, phường Mai Dịch,
quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

ĐẠT TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
DO BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BAN HÀNH
VỚI TỈ LỆ CÁC TIÊU CHÍ ĐẠT YÊU CẦU LÀ 88%

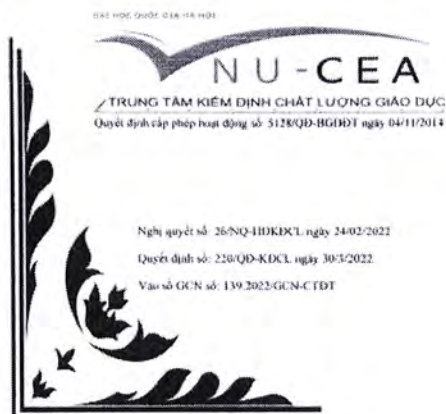
Có giá trị đến ngày 30 tháng 3 năm 2027

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

GIÁM ĐỐC



Tạ Thị Thu Hiền





THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

CERTIFICATE

OF PROGRAM ACCREDITATION

THE DIRECTOR OF THE CENTER FOR EDUCATION ACCREDITATION -
THE UNIVERSITY OF DA NANG

hereby certifies that

PROGRAM: BUSINESS LAW (LLB PROGRAM)

Institution: HO CHI MINH CITY OPEN UNIVERSITY

Registered address: 35-37 Ho Hao Hon Street, Co Giang Ward,
District 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam

has met the required education accreditation standards issued by
the Minister of Education and Training.

Satisfactory criteria: 90%

This certification is valid until: **22nd January, 2027**

Given under the signature of the Director of the Center
Da Nang, 22nd January, 2022

Serial number: 2022/01

Registration number: 23-GCN-CTDI

Decision number: 46/QĐ-CEA/UD dated on 22nd January, 2022



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC -
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

CHỨNG NHẬN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH LUẬT KINH TẾ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 35-37 Hồ Hào Hớn, Phường Cò Giang, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

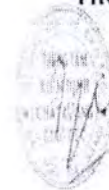
Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Tỷ lệ số tiêu chí đạt yêu cầu: 90%

Giấy chứng nhận có giá trị đến ngày: **22/01/2027**

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 01 năm 2022

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



PGS.TS. Nguyễn Quang Giao

Số hiệu: 2022/01

Vào sổ đăng ký: 23-GCN-CTDI

QĐ số: 46/QĐ-CEA/UD ngày 22/01/2022



THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

**CERTIFICATE
OF PROGRAMME ACCREDITATION**

CENTRE FOR EDUCATION ACCREDITATION -
ASSOCIATION OF VIET NAM UNIVERSITIES AND COLLEGES

RECOGNISES

**PROGRAMME:
BACHELOR IN ECONOMIC LAW
VINH UNIVERSITY**

Address: No. 182, Le Duan Street, Ben Thuy Ward,
Vinh City, Nghe An Province

HAVING MET THE EDUCATION ACCREDITATION STANDARDS
ISSUED BY THE MINISTER OF EDUCATION AND TRAINING

PERCENTAGE OF SATISFACTORY CRITERIA: 88%

This certificate is valid until June 21st, 2026

Ha Noi, Date: June 21st, 2021

DIRECTOR

Signed

Assoc. Prof. Doctor Nguyen Phuong Nga

Resolution Number: 10/NQ-HDKDCLGD dated April 27th, 2021
Decision Number: 171/QĐ-KDCLGD dated June 21st, 2021
Registration Number: CTĐT/2021/23/CEA-AVUBC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC -
HIỆP HỘI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG VIỆT NAM

CÔNG NHẬN

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:
NGÀNH LUẬT KINH TẾ, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

Địa chỉ: Số 182, Đường Lê Duẩn, Phường Bến Thủy
Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

ĐẠT TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
DO BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BAN HÀNH

TỶ LỆ SỐ TIÊU CHÍ ĐẠT YÊU CẦU: 88%

Giấy chứng nhận này có giá trị đến ngày 21 tháng 6 năm 2026

Hà Nội, ngày 21 tháng 6 năm 2021

GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Nguyễn Phương Nga

Nghị quyết số: 10/NQ-HDKDCLGD ngày 27.4.2021
Quyết định số: 171/QĐ-KDCLGD ngày 21.6.2021
Vào sổ GCN số: CTĐT/2021/23/CEA-AVUBC

Hội đồng xây dựng CTĐT tham khảo 03 CTĐT Luật kinh tế và tương tự ở các trường đại học có thứ hạng cao trên thế giới, trong đó có 02 CTĐT được đưa ra đối sánh là: CTĐT Luật kinh tế (Economic law) của Trường Đại học Padua (Ý) được tham khảo tại link <https://www.unipd.it/en/educational-offer/first-cycle-degree/economics-and-political-science?ordinamento=2018&key=SP1841&tipo=L&scuola=EP> và <https://en.didattica.unipd.it/off/2022/LT/EP/SP1841> (xếp hạng 201-250 THE Ranking). Tổng số tín chỉ của CTĐT là 240 tín chỉ. CTĐT Luật và kinh tế (Law and economics) của Trường Đại học Kent (Anh) được tham khảo tại link https://www.kent.ac.uk/courses/undergraduate/327/law-and-economics?utm_campaign=KentUSCAN&utm_source=Study.eu&utm_medium=Listings#tab--stage3 (xếp hạng 401-500 THE Ranking). Tổng số tín chỉ của CTĐT là 360 tín chỉ.

3.2. Nội dung đối sánh

(Xem chi tiết tại **Phụ lục 3**)

3.3. Kết luận

Tổng số tín chỉ của CTĐT dự kiến ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Cần Thơ tương đồng với tổng số tín chỉ của CTĐT ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Vinh; số tín chỉ khối kiến thức đại cương của CTĐT dự kiến thì tương đồng với khối kiến thức đại cương của CTĐT Luật Kinh tế của Trường Đại học Thương mại. Trong khi đó, số tín chỉ khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành ở CTĐT của Trường Đại học Cần Thơ lại trung hòa (không quá cao, không quá thấp) so với các CTĐT được đối sánh. Khối kiến thức đại cương của CTĐT dự kiến ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Cần Thơ ngoài các học phần theo yêu cầu bắt buộc của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì còn bổ sung một số học phần mà các CTĐT được đối sánh không có như Kỹ năng mềm hay Học thuyết pháp lý.

Ngoài yêu cầu bắt buộc về ngoại ngữ căn bản hoặc nâng cao (tiếng Anh hoặc tiếng Pháp theo nguyện vọng của người học) thì CTĐT dự kiến của Trường Đại học Cần Thơ còn có học phần Thuật ngữ pháp lý tiếng Anh hoặc Thuật ngữ pháp lý tiếng Pháp để người học được tiếp cận ngoại ngữ chuyên ngành. Các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành của CTĐT dự kiến ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Cần Thơ nhìn chung là tương đồng với các CTĐT được đối sánh.

So với CTĐT của hai trường ở nước ngoài được đối sánh là ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Padua (Ý) và ngành Luật và Kinh tế của Trường Đại học Kent (Anh) thì CTĐT ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Cần Thơ có một số điểm giống như các học phần Luật hiến pháp, Luật dân sự, Luật lao động... Tổng số tín chỉ tích lũy và số tín chỉ của từng học phần trong CTĐT của Trường Đại học Cần Thơ ít hơn so với hai CTĐT được đối sánh. Các học phần trong CTĐT ngành Luật kinh tế

của Trường Đại học Cần Thơ gắn với bối cảnh và khung chương trình theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam.

4. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và bảo đảm chất lượng đào tạo

Kế hoạch tuyển sinh dự kiến của ngành Luật Kinh tế trong năm 2023 theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của nhà trường, với chỉ tiêu năm đầu tiên là 75 SV (30% năng lực đào tạo theo quy định). Chỉ tiêu và kế hoạch tuyển sinh ở những năm tiếp sau do Trường quyết định trên cơ sở các quy định và hướng dẫn hiện hành, dự kiến 100 SV (40%, năm 2024), 150 (60%, năm 2025), 200 (80%, năm 2026), và 250 (100%, năm 2027). Thí sinh trúng tuyển sẽ được đào tạo theo đúng CTĐT và Kế hoạch dạy học được mô tả ở trên.

Công tác đảm bảo chất lượng là một trong những mục tiêu quan trọng trong quá trình tổ chức đào tạo của Khoa. Trường Khoa chịu trách nhiệm chung về công tác đảm bảo chất lượng và Phó Khoa được phân công phụ trách là Thạc sĩ Diệp Thành Nguyên. Khoa nghiêm túc thực hiện các công tác đảm bảo chất lượng theo chỉ đạo chung của Ban Giám hiệu; Phòng Đào tạo, Trung tâm Quản lý chất lượng. Các công tác thường xuyên được thực hiện như kiểm tra, giám sát việc giảng dạy, tổ chức thi, đánh giá học phần,... Bên cạnh đó những công tác được thực hiện thường xuyên như định kỳ rà soát, cập nhật CTĐT; cập nhật đề cương chi tiết học phần. Chương trình đào tạo ngành Luật trình độ đại học của Khoa đã đạt chứng nhận kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT vào ngày 02/01/2023, có thời hạn cho đến 1/2028.

Chương trình đào tạo sẽ được chuẩn hóa theo Thông tư số 17/2021/TT-BGGĐT. Định kỳ 2 năm, chương trình đào tạo sẽ được xem xét, điều chỉnh các thay đổi về ngành phù hợp bổ sung kiến thức, học phần tự chọn (nếu có) trong CTĐT; những học phần mới phải có đề cương chi tiết học phần kèm theo và được công bố công khai. Định kỳ 05 năm, CTĐT đào tạo sẽ được rà soát tổng thể và điều chỉnh dựa trên việc lấy ý kiến các bên liên quan, nhu cầu xã hội.

Định kỳ lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập:

- Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập đối với lớp học phần thông qua Hệ thống khảo sát của Nhà trường;
- Thời điểm lấy ý kiến: Sau khi đánh giá kết thúc học phần, sau khi kết thúc khóa học;
- Kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học, bao gồm nội dung, mức độ, được thông báo tới các đơn vị chức năng, trường khoa, trưởng bộ môn và giảng viên.

Việc kiểm định chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định tại khoản 5

Điều 33 Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018); thực hiện trách nhiệm trong công tác bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định tại Điều 50 Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018).



IV. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu

1.1. Năng lực chuyên môn phục vụ đào tạo

Công tác xây dựng đội ngũ giảng viên được Trường Đại học Cần Thơ nói chung, Khoa Luật nói riêng được hoạch định rõ từ công tác tuyển dụng cho đến đào tạo, bồi dưỡng, quản lý và sử dụng. Đội ngũ giảng viên đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển của Trường. Tất cả giảng viên phục vụ cho hoạt động đào tạo ngành Luật đều đạt tiêu chuẩn trình độ, nghiệp vụ đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy theo quy định của pháp luật và yêu cầu công tác của Trường (100% cán bộ giảng dạy có trình độ sau đại học). Nhà trường và Khoa Luật rất chú trọng thực hiện quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy từ khâu quy hoạch cho đến đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hóa cũng như đảm bảo sự cân bằng về kinh nghiệm chuyên môn và trẻ hóa đội ngũ nhằm phát triển đội ngũ xứng tầm với trọng trách của Trường. Tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị là 59 người thuộc 03 Bộ môn trong đó giảng viên có học hàm phó giáo sư có 01 giảng viên, 10 giảng viên có học vị tiến sĩ và 47 giảng viên có học vị thạc sĩ kể cả 13 thạc sĩ đang tham gia nghiên cứu sinh.

Giảng viên	Bộ môn Luật Hành chính	Bộ môn Luật Thương mại	Bộ môn Luật Tư pháp
Phó Giáo sư – Tiến sĩ	01	00	00
Tiến sĩ	04	03	04
Đang học tiến sĩ	02	02	09
Thạc sĩ	9	17	08
Đại học	00	00	00
Tổng giảng viên	16	22	21

Bảng IV.1. Đội ngũ giảng viên Khoa Luật

Đội ngũ viên chức của **Bộ môn Luật Thương mại** - phụ trách chuyên môn ngành Luật Kinh tế (dự kiến mở) - hiện có 22 giảng viên và đều có trình độ sau đại học trở lên. Tính đến ngày 31/12/2022, Bộ môn Luật Thương mại có 16/22 giảng viên được đào tạo chuyên môn để giảng dạy các lĩnh vực pháp luật kinh tế trong nước và 6/22 giảng viên chuyên giảng dạy pháp luật liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế. Hiện tại Bộ môn có 04 tiến sĩ chuyên ngành và 02 nghiên cứu sinh đang trong thời gian hoàn thành luận án, trong đó năm 2023 có 04 Thầy Cô chuẩn bị hồ sơ sẽ học tiến sĩ. Với đội ngũ giảng viên chuyên ngành ngày càng được tăng cường như hiện nay, Bộ môn hoàn toàn có thể chủ trì đào tạo và đảm bảo chất lượng ngành Luật Kinh tế trình độ đại học theo các quy định và tiêu chuẩn của Nhà nước, đáp ứng linh hoạt với nhu cầu của thị trường lao động. Ngoài ra, Bộ môn còn được sự phối hợp của các giảng viên có chuyên môn khác ở Khoa Luật và các Khoa khác trong Trường, cũng như được sự hỗ trợ của các giảng viên mời giảng từ công tác thực tiễn tại tòa án nhân dân, các tổ chức hành nghề luật sư, các tổ chức hành nghề công chứng.

Về tham gia giảng dạy, các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương thì phần lớn (90%) được các khoa khác trong Trường phụ trách giảng dạy. Đối với các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành thì do giảng viên cơ hữu của Khoa Luật phụ trách. Hầu hết cán bộ cơ hữu của Khoa và Bộ môn đảm trách giảng dạy CTĐT ngành Luật Kinh tế là những giảng viên có thâm niên và chuyên môn sâu về Luật Kinh tế và thương mại quốc tế nhằm đảm bảo truyền đạt tốt kiến thức, kỹ năng cho người học để đáp ứng mục tiêu đào tạo đã đề ra, góp phần cung cấp cho thị trường nguồn lao động có chuyên môn cao, kỹ năng tốt và thái độ tích cực. Chi tiết về giảng viên xây dựng, vận hành, giảng dạy CTĐT ngành Luật Kinh tế được trình bày ở **Mẫu 2 của Phụ lục 4a**.

STT	Họ và tên, năm sinh	Học vị, nước, năm công nhận	Chuyên ngành đào tạo
1	Trần Vang Phủ, 1989	Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Luật Kinh tế (Phụ trách ngành)
2	Phan Trung Hiền, 1975	PGS, 2015, Tiến sĩ, Anh, 2007	Luật (Luật Đất đai)
3	Lê Thị Nguyệt Châu, 1972	Tiến sĩ, Hà Lan, 2006	Luật (Luật Thuế, Tài chính)
4	Cao Nhất Linh, 1976	Tiến sĩ, Pháp, 2011	Luật tư (Luật Lao động, doanh nghiệp và thương mại)
5	Dương Văn Học, 1989	Tiến sĩ, Nhật Bản, 2022	Luật quốc tế và kinh doanh
6	Võ Hoàng Yến, 1978	Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Luật Kinh tế
7	Phạm Mai Phương, 1982	Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Luật Kinh tế
8	Đoàn Nguyễn Minh Thuận, 1984	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Luật Kinh tế
9	Nguyễn Thị Hoa Cúc, 1988	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Luật Kinh tế
10	Nguy Ngọc Anh, 1987	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Luật Kinh tế
11	Nguyễn Anh Thư, 1989	Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Luật Kinh tế
12	Võ Hoàng Tâm, 1990	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Luật Kinh tế
13	Võ Thị Bảo Trâm, 1989	Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Luật Kinh tế
14	Nguyễn Huỳnh Anh, 1988	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Luật Kinh tế
15	Phạm Tuấn Kiệt, 1991	Thạc sĩ, Pháp, 2014	Luật thương mại công
16	Bùi Thị Mỹ Hương, 1982	Thạc sĩ, Pháp, 2006	Luật hợp tác kinh tế

Bảng IV.2. Danh sách giảng viên cơ hữu có chuyên môn đúng ngành đào tạo Luật Kinh tế

1.2. Năng lực nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo

Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy, giảng viên Khoa Luật xem nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để đóng góp những công trình nghiên cứu có giá trị cho lĩnh vực khoa học pháp lý và thực tiễn xã hội, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo. Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2022 giảng viên của Khoa đã thực hiện và nghiệm thu thành công 22 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường, nội dung đề tài khá đa dạng. Chi tiết về các đề tài nghiên cứu đã thực hiện được mô tả ở **Mẫu 4 – Phụ lục 4a**, trong đó có thể kể đến một số đề tài nghiên cứu tiêu biểu liên quan đến ngành Luật Kinh tế như:

1. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng của bên vận chuyển trong hợp đồng vận chuyển hàng hóa đường biển (ThS. Nguyễn Thị Hoa Cúc – 2022);
2. Thực trạng áp dụng pháp luật về ưu đãi phát triển năng lượng tái tạo tại Đồng bằng sông Cửu Long (ThS. Nguyễn Ngọc Anh – 2020);
3. Hoàn thiện pháp luật nhằm thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (TS. Cao Nhất Linh - 2020);
4. Pháp luật về thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú – Thực tiễn tại Tp. Cần Thơ (ThS. Lê Huỳnh Phương Chinh – 2019);
5. Hoàn thiện chế định bồi thường thiệt hại trong pháp luật Việt Nam từ góc độ so sánh với pháp luật Châu Âu (ThS. Đoàn Nguyễn Phú Cường – 2019).

Được sự khuyến khích, động viên của Ban Lãnh đạo Khoa, trong thời gian gần đây Giảng viên của Khoa đã tích cực viết, xuất bản sách phục vụ công tác giảng dạy, đặc biệt số lượng bài viết của các Giảng viên được xuất bản trên các ấn phẩm tạp chí pháp lý uy tín trong và ngoài nước cũng tăng lên đáng kể, đặc biệt là có nhiều công trình được công bố trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục Scopus và ISI. Tính từ năm 2018 đến cuối năm 2022 giảng viên của Khoa đã công bố 191 công trình nghiên cứu khoa học trong đó có 05 sách và book chapter, 186 bài báo được xuất bản trên các tạp chí và kỷ yếu Hội thảo chuyên ngành. Mặc dù số lượng bài viết được đăng tải chỉ tập trung ở một số Giảng viên nhất định nhưng các khía cạnh pháp lý được khai thác đa dạng hơn và tương đối điều ở các nhóm chuyên môn, điều này cũng góp phần nâng cao uy tín và vị thế của Khoa trong mạng lưới các cơ sở đào tạo luật trên cả nước. Danh mục các công trình khoa học của Giảng viên Khoa Luật được liệt kê chi tiết ở **Mẫu 5a – Phụ lục 4a**, trong đó có thể kể đến một số bài báo khoa học tiêu biểu liên quan đến ngành Luật Kinh tế như:

1. Cao TS, Phan TH (2022), 'Proposed criteria to limit land acquisition in vietnam for socio-economic development purposes', Central European Management Journal, No.30/2022, 1744-1754 (SCOPUS);

2. Cao NL (2022), 'Vietnamese law on the change of the legal representatives for sole proprietorships and partnerships - inadequacies and recommendations from the experience of some countries', *Baltic Journal of Law and Politics*, No.15/2022, 1422-1426. (SCOPUS);
3. Duong AS, Tran VP (2022), 'The effects of FTAs on the operation of the WTO – Reviews and recommendations', *Corporate Law and Governance Review*, Vol. 4, Issue 2, 42-49. (SCOPUS);
4. Nguyễn PK, Bùi TMH (2022), 'Choice-of-law principles in inheritance relations involving foreign element(s) under vietnamese private international law', *Indonesia Law Review*, Vol. 12/2022 ,No. 1, Article 5. 56-69 (ESCI).
5. Duong VH (2021), 'Natural resources under the WTO subsidy regime" Jurisprudential development and comments', *Manchester Journal of International Economic Law*, 18/2021, 264-281 (SCOPUS);
6. Nguyễn THC, Đoàn NPC (2022), 'Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về hậu quả hủy bỏ hợp đồng từ gốc độ nghiên cứu so sánh với pháp luật Anh, Pháp và bộ nguyên tắc pháp luật hợp đồng Châu Âu', *Tạp chí Nhân lực KHXX*, 4/2022, 21-29;
7. Nguyễn PK, Bùi TMH (2022), 'Vấn đề xác định pháp luật áp dụng đối với quan hệ quyền tác giả có yếu tố nước ngoài', *Nhà nước và Pháp luật*, 5/2022. 63-72.
8. Cao NL (2022), 'Phân định thẩm quyền giữa trọng tài và toà án trong giải quyết tranh chấp và áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời', *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, 10/2022, 14-25.
9. Cao NL (2020), 'Một số điều kiện đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp vào tổ chức kinh tế', *Tạp chí Công Thương*, số 9/2020, 9-19.
10. Phan TH, Nguyễn AT (2019), 'Pháp luật, chính sách về ứng phó biến đổi khí hậu - Tình hình thực hiện tại Đồng bằng sông Cửu Long', *Tạp chí Cộng sản*, 145/2019, 78-82.

2. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên

Theo Đề án “Phát triển Khoa Luật đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2025” được thông qua vào ngày 18/11/2022, Đảng ủy Khoa Luật đã đề ra chỉ tiêu phát triển năng lực đội ngũ giảng viên đến năm 2030 và kế hoạch cụ thể đăng ký phấn đấu nâng cao trình độ ở bậc tiến sĩ đối với từng giảng viên trong giai đoạn 2023-2025. Với kế hoạch hiện có và sự khẩn trương cần thiết, đội ngũ giảng viên Khoa Luật hoàn toàn đảm bảo tốt chuyên môn cho ngành đào tạo sắp mở.

TT	TIÊU CHÍ		CÁC MỤC TIÊU CỤ THỂ THEO NĂM									GHI CHÚ		
			2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030			
1	Mô ngành đào tạo	Cử nhân	Đang có 1									≥ 3	Luật + 2 (HP&HC, HS&TTTHS, DS&TTTHS, QT)	
		Thạc sỹ	Đang có 1			Thêm 1							≥ 3	Luật, Luật KT, Luật HP&HC
		Tiến sĩ											1	Luật
2	Số lượng giảng viên				75							105 - 110	Tăng hợp lý 6 -7 gv/năm	
3	Trình độ giảng viên	Giáo sư			1 hồ sơ								≥ 1	
		P.Giáo sư	Đang có 1		1 hồ sơ	2 hồ sơ	≥ 2 hồ sơ	≥ 2 hồ sơ					≥ 3	
		Tiến sĩ	Đang có 12	Có thêm ≥ 2 (Tổng: 14)	Có thêm ≥ 2 (Tổng: 16)	Có thêm ≥ 2 (Tổng: 18)	Có thêm ≥ 4 (Tổng: 22)	Có thêm ≥ 5 (Tổng: 27)	Có thêm ≥ 3 (Tổng: 30)	Có thêm ≥ 4 (Tổng: 34)			> 30	
		Nghiên cứu sinh	Đang có 11 (và 2 dự bị)	≥ 10 NCS mới	≥ 10 NCS mới	≥ 10 NCS mới	≥ 6 NCS mới	≥ 6 NCS mới	≥ 6 NCS mới					
4	Quy mô người học											> 2000		
5	Nghiên cứu khoa học	Hội thảo khoa học		≥ 4	≥ 4	≥ 4	≥ 4	≥ 4	≥ 4	≥ 4	≥ 4	≥ 4		
		Công bố trong nước	Thạc sĩ: ≥ 01 /năm; Tiến sĩ: ≥ 02 /năm, có 01 từ 0,75 điểm (3 bài/3 năm) (Công trình trong Danh mục HĐGSNN)											
		Công bố quốc tế	Số lượng năm sau cao hơn năm trước. Tiến sĩ: $\geq 01/2$ năm											

Bảng IV.3. Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030 của Đề án phát triển Khoa Luật

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO GIÁNG VIÊN ĐẾN NĂM 2025

Năm	Bộ môn (khoa) Lĩnh vực (ngành)	Số lượng viên chức cử đi đào tạo			Dự kiến VC được cử đi đào tạo	
		Tổng số	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Họ và tên	Trình độ đào tạo
2023	1. Bộ môn Luật Hành chính	2	2			
	Ngành Human rights				Đinh Thanh Phương	Tiến sĩ
	Ngành Luật Hiến pháp và hành chính				Nguyễn Thị Hàng Diễm Mí	Tiến sĩ
	2. Bộ môn Luật Thương mại	5	5			
	Luật/Luật Kinh tế/Luật Thương mại quốc				Phạm Tuấn Kiệt	Tiến sĩ
	Luật/Luật Kinh tế/Luật Thương mại quốc				Bùi Thị Mỹ Hương	Tiến sĩ
	Luật/Luật Kinh tế/Luật Thương mại quốc				Nguy Ngọc Anh	Tiến sĩ
	Luật/Luật Kinh tế/Luật Thương mại quốc				Nguyễn Thị Hoa Cúc	Tiến sĩ
	Luật/Luật Kinh tế/Luật Thương mại quốc				Đoàn Nguyễn Phú Cường	Tiến sĩ
	3. Bộ môn Luật Tư pháp	2	2			
Luật DS và tổ tụng DS				Trần Khắc Qui	Tiến sĩ	
Luật DS và tổ tụng DS				Tăng Thanh Phương	Tiến sĩ	
2024	1. Bộ môn Luật Hành chính	7	7			
	Ngành Luật Hiến pháp và hành chính				Võ Nguyễn Nam Trung	Tiến sĩ
	Ngành Luật Hiến pháp và hành chính				Nguyễn Nam Phương	Tiến sĩ
	Ngành Luật Hiến pháp và hành chính				Lâm Thị Bích Trâm	Tiến sĩ
	Ngành Luật Hiến pháp và hành chính (Quyền con người)				Võ Thị Phương Uyên	Tiến sĩ
	Ngành Luật Hiến pháp và hành chính				Huỳnh Thị Cẩm Hồng	Tiến sĩ
	Ngành Luật				Nguyễn Đắc Thắng	Tiến sĩ
	Ngành Luật Hiến pháp và hành chính				GV tuyển dụng năm 2023	Tiến sĩ
	2. Bộ môn Luật Thương mại	3	3			
	Luật/Luật Kinh tế/Luật Thương mại quốc				Đoàn Nguyễn Minh Thuận	Tiến sĩ
	Luật/Luật Kinh tế/Luật Thương mại quốc				Nguyễn Anh Thư	Tiến sĩ
	Luật/Luật Kinh tế/Luật Thương mại quốc				Võ Hoàng Tâm	Tiến sĩ
	3. Bộ môn Luật Tư pháp	3	3			
	Luật HS và tổ tụng HS				Mạc Giáng Châu	Tiến sĩ
	Luật HS và tổ tụng HS				Nguyễn Thu Hương	Tiến sĩ
Luật DS và tổ tụng DS				Nguyễn Văn Khuê	Tiến sĩ	
2025	1. Bộ môn Luật Hành chính	3	3			
	Ngành Luật Hiến pháp và hành chính				Diệp Thành Nguyên	Tiến sĩ
	Ngành Luật Hiến pháp và hành chính				GV tuyển dụng năm 2024	Tiến sĩ
	Ngành Luật Hiến pháp và hành chính				GV tuyển dụng năm 2025	Tiến sĩ
	2. Bộ môn Luật Thương mại	7	7			
	Luật/Luật Kinh tế/Luật Thương mại quốc				Nguyễn Tổng Ngọc Như	Tiến sĩ
	Luật/Luật Kinh tế/Luật Thương mại quốc				Phạm Mai Phương	Tiến sĩ
	Luật/Luật Kinh tế/Luật Thương mại quốc				Võ Hoàng Yến	Tiến sĩ
	Luật/Luật Kinh tế/Luật Thương mại quốc				Nguyễn Mai Hân	Tiến sĩ
	Luật/Luật Kinh tế/Luật Thương mại quốc				Nguyễn Huỳnh Anh	Tiến sĩ
	Luật/Luật Kinh tế/Luật Thương mại quốc				Võ Thị Bảo Trâm	Tiến sĩ
	Luật/Luật Kinh tế/Luật Thương mại quốc				Nguyễn Minh Tâm	Tiến sĩ
	3. Bộ môn Luật Tư pháp	3	3			
	Luật DS và tổ tụng DS				Thân Thị Ngọc Bích	Tiến sĩ
	Luật HS và tổ tụng HS				Cao Thanh Thùy	Tiến sĩ
Luật HS và tổ tụng HS				Lê Quỳnh Phương Thanh	Tiến sĩ	
Tổng:	35	35				

**Bảng IV.4. Kế hoạch học tiến sĩ của giảng viên Khoa Luật giai đoạn 2023 – 2025
(dự kiến)**

KẾ HOẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

Năm	Bộ môn (khoa) - chức danh (vị trí) - Lĩnh vực (ngành)	Số lượng tuyển	Trình độ cần tuyển			Ghi chú
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	
2023	1. Bộ môn Luật Hành chính	2	2			
	Giảng viên					
	- Lĩnh vực (ngành): Luật					
	2. Bộ môn Luật Thương mại	2	2			
	Giảng viên					
	- Ngành: Luật/Luật Kinh tế/Luật Quốc tế					
2024	1. Bộ môn Luật Hành chính	2	2			
	Giảng viên					
	- Lĩnh vực (ngành): Luật					
	2. Bộ môn Luật Thương mại	2	2			
	Giảng viên					
	- Ngành: Luật/Luật Kinh tế/Luật Quốc tế					
2025	1. Bộ môn Luật Hành chính	2	2			
	Giảng viên					
	- Lĩnh vực (ngành): Luật					
	2. Bộ môn Luật Thương mại	2	2			
	Giảng viên					
	- Ngành: Luật/Luật Kinh tế/Luật Quốc tế					
	3. Bộ môn Luật Tư pháp	2	2			
	- Luật Dân sự, Luật Hình sự					
Tổng cộng:		18	18	0		

**Bảng IV.5. Kế hoạch tuyển dụng của Khoa Luật giai đoạn 2023 – 2025
(dự kiến)**

V. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Điều kiện cơ sở vật chất hiện hữu bảo đảm mở ngành đào tạo

Vị trí Khoa Luật tại cổng C – khu 2 Trường Đại học Cần Thơ đi vào, với 2 khu làm việc, có sơ đồ hướng dẫn rõ ràng. Khu làm việc của Lãnh đạo khoa, văn phòng khoa và bộ môn. Có 03 phòng học có sức chứa 50 - 100 chỗ và 01 phòng học có sức chứa dưới 50 chỗ phục vụ cho việc dạy và học, Thư viện khoa có diện tích 264,4 m² đáp ứng được chức năng lưu trữ tài liệu cũng như nhu cầu đọc tại chỗ của người học. Tổng diện tích tiếp theo 600 m² dùng để bố trí các phòng làm việc cho lãnh đạo Khoa và các Bộ môn, văn phòng Khoa, phòng chuyên gia và Đoàn thanh niên.

1.1. Thư viện

Trung tâm học liệu (TTHL) với diện tích 7.560m², vị trí ngay cổng A khu 2 Trường Đại học Cần Thơ, hiện là một trong các trung tâm đạt tiêu chuẩn quốc tế và hiện đại nhất Việt Nam. TTHL có 10 phòng đọc sách, 1.000 chỗ ngồi, 357 máy tính, trong đó có 300 máy tính truy cập mạng internet tốc độ cao và 57 máy phục vụ đào tạo,

tập huấn và chuyên môn. Số lượng đầu sách in, ebook, cơ sở dữ liệu trong thư viện bao gồm 131.544 nhan đề với 254.850 cuốn, 188 nhan đề tạp chí với 2.287 cuốn, 188.196 tài liệu điện tử nội sinh và mua quyền truy cập. TTHL phụ trách quản lý chuyên môn nghiệp vụ, phát triển nguồn học liệu cho tất cả hệ thống thư viện các khoa, đơn vị trong Trường Đại học Cần Thơ. TTHL là một trong những thư viện điện tử đầu tiên áp dụng chương trình quản lý thư viện tích hợp 4.0, tạo nền tảng thống nhất về nghiệp vụ thư viện, giúp giảng viên và người học dễ tiếp cận tài liệu dù bất ở bất kỳ thư viện nào trong hệ thống thư viện của Trường. Nguồn học liệu phục vụ cho CTĐT ngành Luật Kinh tế trình độ đại học tại thư viện Khoa Luật và TTHL và thư viện các Khoa khác phong phú, đa dạng về loại hình với khoảng 503 đầu sách, giáo trình là nguồn học liệu để học tập, tham khảo (chỉ tính đối với ấn phẩm có thời gian xuất bản sau năm 2018). Chi tiết về nguồn học liệu là sách, giáo trình cho chuyên ngành Luật Kinh tế xem ở **Mẫu 7 – Phụ lục 4a**. Thêm vào đó, TTHL đã mua bản quyền truy cập toàn văn đối với một trong những cơ sở dữ liệu pháp luật lớn nhất Việt Nam là Thư viện Pháp luật với hơn 500.000 văn bản các loại; đây là nguồn học liệu quan trọng đối giảng viên và sinh viên Khoa Luật. Ngoài ra, người học còn có thể tìm kiếm tài liệu chuyên ngành ở những cơ sở dữ liệu/nhà xuất bản nước ngoài mà nhà trường có mua bản quyền truy cập như SPRINGER, WILEY, SAGE hay EMERALD.

1.2. Trung tâm nghiên cứu, thực hành, thực tập phục vụ ngành đào tạo

Bên cạnh được trang bị kiến thức lý thuyết, người học theo học ngành Luật nói chung, ngành Luật Kinh tế nói riêng sẽ được thực hành những lý thuyết được học tại 03 bộ phận với định hướng đào tạo kỹ năng rõ ràng.

Phòng Thực hành diễn án được thành lập trực thuộc Bộ môn Luật Tư pháp với tổng kinh phí trang thiết bị 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) được bố trí trong 02 phòng với diện tích là 150 m². Bên cạnh các trang thiết bị về âm thanh, ánh sáng thì Phòng diễn án được trang bị đầy đủ các thiết bị, vật phẩm, quần áo để phục vụ cho việc tổ chức phiên tòa giả định cho người học thực hành như quốc huy, bảng nội quy phiên tòa, bục khai báo稿, hàng rào, cửa chắn hàng rào, áo thẩm phán, áo kiểm sát viên. cầu vai kiểm sát viên sơ cấp, bộ quần áo cảnh sát hỗ trợ tư pháp, cầu vai cảnh sát... để đảm bảo tính mô phỏng như một phiên tòa thật sự.

Phòng thực hành diễn án cung cấp môi trường cho sinh viên thực hành tranh tụng, tranh luận; thực hiện kỹ năng buộc tội, bào chữa, xét xử; thực hành các hoạt động nghiên cứu các vụ việc cụ thể thông qua hồ sơ vụ án, các video, clip về các tình huống, chứng cứ... được tổ chức ở các môn học tổ tụng ở mỗi học kỳ. Hoạt động của Phòng Diễn án giúp sinh viên hoàn thiện các kỹ năng để có thể tham gia các sân chơi học thuật với các sinh viên Luật ở các cơ sở đào tạo luật khác và sẽ nhanh chóng thích nghi với môi trường làm việc có liên quan sau khi tốt nghiệp.

Trung tâm Thực hành pháp luật được thành lập trực thuộc Bộ môn Luật Thương mại với tổng kinh phí trang thiết bị dự kiến là 99.401. 000 đồng (chín mươi tám triệu bốn trăm lẻ một nghìn đồng) được bố trí với diện tích khoảng 40 m². Trung tâm là bộ phận phụ trách giảng dạy học phần Thực hành nghề Luật trong CTĐT ngành Luật Kinh tế. Đây sẽ tạo môi trường năng động, sáng tạo thông qua các hoạt động thực hành, tư vấn nghiên cứu hồ sơ, tình huống, chứng cứ, tương tác với tình huống thực tiễn để người học phát triển kỹ năng thực hành pháp luật phù hợp với chuyên ngành luật. Từ những hoạt động cọ sát thực tiễn người học sẽ dần hoàn thiện các kỹ năng, tự tin trong các hoạt động giao lưu với các cơ sở đào tạo luật khác và là cơ sở để sinh viên có thể tự phát triển bản thân trong việc tiếp tục học tập sau đại học trong và ngoài nước hoặc ứng tuyển vào các vị trí hành nghề phù hợp sau khi tốt nghiệp.

Trung tâm Luật so sánh có chức năng thúc đẩy hoạt động trao đổi học thuật và nghiên cứu khoa học với các đơn vị đào tạo luật trong và ngoài nước, có diện tích 30m² tại khuôn viên của Khoa. Hoạt động chủ yếu của Trung tâm là kết nối trao đổi sinh viên/giảng viên với đối tác nước ngoài; tổ chức các khóa học ngắn hạn với sự tham gia của các chuyên gia trong và ngoài nước về chủ đề luật so sánh; phát triển nguồn học liệu thông qua hợp tác khai thác cơ sở dữ liệu, văn bản pháp luật của các nước; tìm kiếm các cơ hội học bổng và tài trợ; và tham gia tổ chức hội thảo chuyên môn. Đối tác truyền thống của Trung tâm là các đại học đến từ Mạng lưới Khối pháp Ngữ như Đại học Paris 2, Đại học Lille, Đại học Lyon 2 và Đại học Groningen của Hà Lan (tiếng Anh). Ngoài ra Trung tâm từng là nơi tiến hành hợp tác với tổ chức BABSEA được tài trợ từ Quỹ Phát triển Liên Hiệp Quốc (UNDP) để triển khai chương trình giảng dạy pháp luật thực hành (CLE), là tiền thân của môn Thực hành nghề Luật trong CTĐT ngành Luật Kinh tế.

Chi tiết về cơ sở vật chất của Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập của ngành đào tạo xem ở **Mẫu 8 – Phụ lục 4a**.

2. Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất

Nhà Trường cũng như Khoa Luật rất quan tâm và đầu tư cho trang thiết bị đào tạo, đảm bảo cả về số lượng và chất lượng. Các trang thiết bị được bổ sung theo hướng hiện đại hóa để hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Theo Phụ lục 2 của Nghị quyết số 92/NQ-HĐT ngày 30/12/2022 của Hội đồng Trường Đại học Cần Thơ phê duyệt các nội dung và kế hoạch hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ năm 2023 thì Khoa Luật được phân giao 900 triệu đồng kinh phí cho việc cải tạo, sửa chữa và mua sắm tài sản năm 2023. Việc sắp xếp và đầu tư cơ sở vật chất cho Khoa Luật trong trung và dài hạn phụ thuộc vào chiến lược phát triển của nhà trường, qui mô đào tạo của Khoa Luật cũng như nhu cầu thực tế ở từng thời điểm. Trường Đại học Cần Thơ

có kế hoạch xây dựng Trung tâm Đào tạo quốc tế (IETC) với trang thiết bị hiện đại bằng kinh phí kết dư từ Dự án nâng cấp Trường Đại học Cần Thơ tại vị trí Công A, khi đó, nhà trường dự kiến phân giao tầng 1 của Trung tâm cho Khoa Luật quản lý, sử dụng. Đây là điều kiện cơ sở vật chất vô cùng thuận lợi để góp phần nâng cao chất lượng và uy tín đào tạo của Khoa.

8	Khoa Luật	400,0	500,0	900,0	
1	Chống thấm nhà học, xử lý thấm ộp chân tường tầng trệt nhà làm việc (tiếp giáp công trình ODA)	200,0			
2	Cải tạo phòng 201 thành phòng họp, hội nghị trực tuyến	100,0			
3	Cải tạo phòng học 102 sau khi khoa nhận lại	100,0			
4	Thiết bị điện, điện tử, âm thanh (01 bộ họp trực tuyến, 03 tivi, 03 máy lạnh)		300,0		
5	Dụng cụ nội thất (01 bộ bàn chữ U, 02 tủ âm tường, 40 ghế)		200,0		

Bảng V.1. Phân bổ kinh phí sửa cải tạo, sửa chữa và mua sắm tài sản năm 2023
(Nghị quyết 92/NQ-HĐT ngày 30/12/2022)

VI. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Đơn vị phụ trách quản lý ngành đào tạo

Đơn vị đào tạo: Khoa Luật – Trường Đại học Cần Thơ

Bộ môn phụ trách: Luật Thương mại

Trên cơ sở là Bộ môn Luật trực thuộc Khoa Kinh tế, Khoa Luật bắt đầu tuyển sinh và đào tạo ngành Luật trình độ đại học khóa đầu tiên từ năm học 1999-2000 (khóa 25 của Trường Đại học Cần Thơ) với ba chuyên ngành là Luật hành chính, Luật thương mại và Luật tư pháp. Tính đến nay, Khoa Luật đã có 20 khóa sinh viên chính quy tốt nghiệp cử nhân Luật và hiện đang công tác ở hầu hết các cơ quan, ban ngành và tổ chức hành nghề pháp luật trong vùng ĐBSCL. Bộ môn Luật Thương mại được thành lập với mục tiêu đào tạo đội ngũ Cử nhân Luật (chuyên ngành Luật Thương mại)/Luật Kinh tế có kiến thức chuyên môn vững vàng trong lĩnh vực pháp luật thương mại và quốc tế nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội, của đất nước trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Ngoài kiến thức chung của tất cả các ngành luật, sinh viên theo học ngành Luật Kinh tế sẽ được đào tạo chuyên sâu về lĩnh vực pháp luật thương mại trong nước và quốc tế. Nội dung đào tạo tập trung vào các môn chủ chốt như Luật thương mại (các loại hình doanh nghiệp, các thủ tục thành lập và phá sản doanh nghiệp, trong tài thương mại), pháp luật về xuất nhập khẩu, luật thương mại quốc tế, luật thuế trong nước và quốc tế, luật tư pháp quốc tế (các quan hệ dân sự, thương mại có yếu tố nước ngoài), v.v...

2. Cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi Chú
1	Phan Trung Hiền, 16/10/1975, Trưởng Khoa	TS, 2007	Luật học	
2	Diệp Thành Nguyên, 03/05/1975, Phó Trưởng Khoa	ThS, 2001	Luật so sánh	
3	Cao Nhất Linh, 01/01/1976, Phó Trưởng Khoa, Trưởng Bộ môn	TS, 2011	Luật học	
4	Lê Phương Thy, 06/10/1981, Trợ lý đào tạo	ĐH, 2006	Luật tư pháp	
5	Trần Vang Phú, 14/07/1989, Cán bộ quản lý phụ trách đào tạo ngành	TS, 2023	Luật Kinh tế	

VII. ĐIỀU KIỆN SẴN SÀNG CHUYỂN SANG DẠY HỌC TRỰC TUYẾN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO THEO QUY ĐỊNH

Nghị quyết số 51-NQ/ĐU ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Đảng ủy Trường Đại học Cần Thơ về đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển Trường Đại học Cần Thơ theo hướng đại học thông minh đã đặt ra mục tiêu đến năm 2025, ít nhất 20% số học phần áp dụng hình thức giảng dạy trực tuyến, đánh giá trắc nghiệm khách quan trên máy tính. Hiện tại CTĐT ngành Luật kinh tế được xây dựng theo định hướng trên của nhà trường, trong đó có 12 học phần giảng dạy trực tuyến (chiếm khoảng 13% tổng số tín chỉ của CTĐT).

Trong giai đoạn dịch bệnh, Trường ĐHCN đã tổ chức đào tạo trực tuyến, đã xây dựng các bài giảng, học liệu dạy học trực tuyến cho người học và có hệ thống giảng dạy trực tuyến e-learning (<https://elearning.ctu.edu.vn/>; <https://testing.ctu.edu.vn/>). Bên cạnh đó, Trường có hệ thống máy tính với số lượng lớn được trang bị trong trung

tâm học liệu, phòng máy, phòng tự học có kết nối internet; Trường có hệ thống wifi được bao phủ toàn trường tại các nhà học, giúp người học dễ dàng kết nối. Trường đã liên hệ hỗ trợ bản quyền phần mềm Zoom từ Công ty GATO (2021-2022) và áp dụng rộng rãi ứng dụng Google Meet trong giảng dạy, học tập và các hoạt động học thuật.

Trường ĐHCT đã ban hành quy định đào tạo trực tuyến theo quyết định số 25/QĐ-ĐHCT ngày 10 tháng 01 năm 2022 là cơ sở cho việc tổ chức và quản lý đào tạo trực tuyến của Trường.

VIII. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO

1. Dự báo các rủi ro khi mở ngành và triển khai tuyển sinh

Ngành đào tạo Luật kinh tế trình độ đại học được dự kiến mở trên cơ sở đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định, xác định nhu cầu thực tiễn của xã hội. Tuy nhiên, để có được cái nhìn toàn diện theo sự phát triển ngày càng nhanh của xã hội, một số rủi ro cần phải cân nhắc và có phương án ngăn ngừa và xử lý. Dưới đây là một số rủi ro khi mở ngành đào tạo Luật kinh tế trình độ đại học:

- Người học bỏ học, trễ tiến độ do gặp khó khăn đột xuất về kinh tế nên không hoàn thành nghĩa vụ tài chính; người học chọn lựa ngành học chưa phù hợp nên khó hoàn thành CTĐT;
- Sự biến động về đội ngũ giảng viên do thiếu lực lượng kế thừa khi giảng viên nghỉ hưu, chuyển công tác;
- Rủi ro về tuyển sinh: Sự cạnh tranh với các trường đào tạo khác, đặc biệt là các trường đào tạo trong khu vực;
- Rủi ro về thị trường lao động;
- Rủi ro về bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo.

2. Giải pháp và phương án để ngăn ngừa và xử lý rủi ro

Từ việc phân tích tình hình phát triển kinh tế - xã hội, dự báo những biến động có thể xảy ra, phân tích điểm mạnh, điểm yếu của cơ sở đào tạo và dự báo các rủi ro có thể xảy ra khi mở ngành và triển khai tuyển sinh, đào tạo ngành Luật Kinh tế, một số các phương án, giải pháp có thể phòng ngừa và xử lý rủi, cụ thể như sau:

2.1. Đối với người học bỏ học, trễ tiến độ

Vấn đề người học bỏ học, trễ tiến độ cũng gặp phải đối với tất cả các ngành đang đào tạo tại trường Đại học Cần Thơ hiện nay. Giải pháp chung là cần có chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy phù hợp với người học và hỗ trợ người học cụ thể, rõ ràng và hiệu quả tạo sự tin tưởng, an tâm từ người học; đảm bảo đội ngũ giảng viên giỏi về chuyên môn và có phương pháp giảng dạy hiện đại, phù hợp để tạo sự hứng thú cho người học. Trường chú trọng xây dựng các chính sách, quy định về mặt quản lý và thủ tục hành chính đơn giản, thuận tiện sẽ góp phần hạn chế, khắc phục được việc người học bỏ học, học trễ tiến độ.

Các giải pháp cụ thể đã và đang được áp dụng:

- Cố vấn học tập định hướng, theo dõi tình hình học tập của người học, tạo nhiều kênh thông tin liên lạc để kịp thời phát hiện các nguyên nhân người học bỏ học, trễ tiến độ, kết hợp với lãnh đạo đơn vị và các phòng ban chức năng để có phương án hỗ trợ hợp lý.
- Phòng Công tác sinh viên mỗi học kỳ sẽ có các thống kê tình trạng học tập, tình hình nợ học phí của người học gửi về các đơn vị đào tạo; trên cơ sở đó, các đơn vị đào tạo kịp thời thông tin, trao đổi với người học để tìm hiểu nguyên nhân, từ đó có phương án hỗ trợ.
- Trường và các đơn vị đào tạo thường xuyên tổ chức các hội nghị về đào tạo và tìm hiểu nguyên nhân người học tốt nghiệp chậm tiến độ để có các giải pháp điều chỉnh phù hợp.
- Với trường hợp người học gặp khó khăn đột xuất về tài chính: Trường và các đơn vị đào tạo xem xét từng trường hợp để linh động giải quyết; Trường có các nguồn kinh phí dành riêng cho việc hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ đột xuất, các học bổng tài trợ để tháo gỡ một phần khó khăn về tài chính cho người học. Phương thức này vẫn đang được áp dụng trong thời gian qua đối với tất cả các ngành học của trường.
- Với trường hợp người học chọn lựa ngành học chưa phù hợp nên khó hoàn thành CTĐT: Công tác tư vấn tuyển sinh cần được chú trọng để người học tiềm năng dự kiến và chọn lựa đúng ngành học phù hợp. Ngoài ra, quy chế học vụ của Trường cũng cho phép sinh viên được chuyển sang học một chương trình, một ngành đào tạo khác.
- Với trường hợp không theo kịp tiến độ do gặp khó khăn về hoàn thành ngoại ngữ: Cố vấn học tập nhắc nhở thường xuyên về yêu cầu ngoại ngữ.
- Với trường hợp không theo kịp tiến độ do quá bận công tác hay chưa nỗ lực trong học tập, nghiên cứu: Cố vấn học tập cần định hướng, nhắc nhở tiến trình học tập, hỗ trợ điều chỉnh kế hoạch học tập để học tập để người học có thể hoàn thành chương trình học ở mỗi học kỳ.

2.2. Sự biến động đội ngũ giảng viên

Nếu không có đủ giảng viên có chuyên môn để đảm bảo chất lượng giảng dạy, hoạt động quản lý và nghiên cứu khoa học, thì ngành đào tạo sẽ không thể hoạt động hiệu quả. Phương án phòng ngừa: Trường có chính sách hỗ trợ và động viên phù hợp để giữ chân giảng viên; tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, phát triển nghiên cứu khoa học cũng là cách để cải thiện chất lượng giảng dạy. Khoa tạo mọi điều kiện về chuyên môn để khuyến khích giảng viên học tập nâng cao trình độ, học tập và chia sẻ kinh nghiệm cùng nhau. Đồng thời, Trường và Khoa có kế hoạch phát

triển nguồn lực cụ thể, có chính sách thu hút giảng viên để đảm bảo có đủ lực lượng kế thừa.

2.3. Sự cạnh tranh với các cơ sở đào tạo khác

Sự gia tăng các cơ sở đào tạo đối với ngành Luật kinh tế là điều tất yếu trong khi cả nước có hơn 40 cơ sở đào tạo ngành học này. Ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện các trường đại học đang có xu hướng mở ngành đào tạo luật trong đó ngành Luật kinh tế là một quan tâm lớn.

Phương án phòng ngừa:

- Đảm bảo chất lượng đào tạo và nâng cao uy tín của trường đại học để thu hút giảng viên có trình độ cao và giúp các sinh viên cảm thấy tin tưởng hơn về chất lượng đào tạo của trường.
- Khảo sát định kỳ nhu cầu thực tiễn của người sử dụng lao động, chuyên gia để kịp thời điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo; giúp tạo thị trường lao động ổn định, qua đó tạo sự cạnh tranh về chất lượng và thương hiệu đối với các cơ sở đào tạo khác.
- Đẩy mạnh công tác tuyển sinh: Công tác tuyên truyền và tư vấn tuyển sinh là quan trọng. Việc giới thiệu ngành đào tạo và tư vấn tuyển sinh được thực hiện liên tục thông qua nhiều kênh khác nhau từ trực tiếp đến trực tuyến và bao gồm nhiều cấp độ khác nhau từ cấp trường, khoa đến cấp bộ môn để đảm bảo việc tư vấn tuyển sinh đạt hiệu quả cao nhất nhằm duy trì việc đào tạo và phát triển ngành trong tương lai. Việc đẩy mạnh quảng bá thông tin tuyển sinh, điều chỉnh chính sách tuyển sinh, tiếp cận các trường trung học phổ thông đặc biệt là hệ thống mạng lưới các trường phổ thông vệ tinh vào những thời điểm quan trọng trước khi thí sinh đăng ký và điều chỉnh nguyện vọng của các đợt tuyển sinh.

2.4. Rủi ro về thị trường lao động

Những biến động khách quan như dịch Covid vừa qua, hay chủ quan do việc xác định nhu cầu xã hội chưa đúng thực tế, sự tuyển sinh ồ ạt của các trường đào tạo cùng ngành là nguyên nhân làm tăng rủi ro về thị trường lao động do cung vượt cầu.

Phương án phòng ngừa: Khảo sát định kỳ yêu cầu của nhà tuyển dụng để chủ động điều chỉnh, bổ sung các nội dung, học phần cần thiết; tăng cường hợp tác các đơn vị tuyển dụng như các công ty luật, doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế để tổ chức ngày hội việc làm và nhận sinh viên thực tập. Chủ động hợp tác, mời các chuyên gia và nhà sử dụng lao động chia sẻ chuyên môn và định hướng nghề nghiệp cho sinh viên qua đó tạo kết nối việc làm sau khi tốt nghiệp.

3. Giải pháp và phương án xử lý rủi ro trong trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo

3.1. Trường hợp không tuyển sinh đủ chỉ tiêu

Để đảm bảo số lượng chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm, công tác tuyên truyền và tư vấn tuyển sinh là quan trọng. Việc giới thiệu ngành đào tạo và tư vấn tuyển sinh được thực hiện liên tục thông qua nhiều kênh khác nhau từ trực tiếp đến trực tuyến và bao gồm nhiều cấp độ từ cấp trường, khoa đến cấp bộ môn để đảm bảo việc tư vấn tuyển sinh đạt hiệu quả cao nhất nhằm duy trì đào tạo và phát triển ngành trong tương lai. Việc đẩy mạnh quảng bá thông tin tuyển sinh, điều chỉnh chính sách tuyển sinh, tiếp cận các trường trung học phổ thông vào những thời điểm quan trọng trước khi các em đăng ký và điều chỉnh nguyện vọng của các đợt tuyển sinh. Ngoài ra, sinh viên các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Cần Thơ cũng là đối tượng được hướng đến để thu hút học tập ngành hai Luật Kinh tế nhằm bổ trợ và hoàn thiện năng lực chuyên môn sau khi tốt nghiệp, đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao của thị trường lao động.

Đồng thời, Khoa Luật - Trường Đại học Cần Thơ chủ động xây dựng và nâng cao hình ảnh thương hiệu của mình thông qua website, fanpage và các hoạt động thường niên của Khoa, Trường. Xây dựng và thực hiện kế hoạch quảng bá tuyển sinh, chương trình tuyển sinh hàng năm. Xây dựng và quy tụ đội ngũ cựu sinh viên để hỗ trợ hiệu quả cho sự phát triển của Khoa thông qua kết nối việc làm, tiếp nhận thực tập, quảng bá hình ảnh và các hình thức tài trợ, học bổng cho sinh viên đang theo học. Xây dựng/tham gia xây dựng các chế độ hỗ trợ sinh viên đi thực tập tại các doanh nghiệp, cơ quan, ban, ngành thuộc lĩnh vực pháp lý và kinh tế, hỗ trợ sinh viên tham gia các hoạt động trải nghiệm thực tế phục vụ cho chương trình đào tạo.

Tóm lại, Khoa Luật chủ trương đẩy mạnh kết nối giữa đào tạo và hoạt động, kỹ năng nghề nghiệp để các em thấy rõ tầm quan trọng, lợi ích và niềm đam mê của việc theo học ngành Luật Kinh tế sau khi ra trường.

3.2. Trường hợp số lượng tuyển sinh quá ít không đủ điều kiện để mở lớp

Trong trường hợp số lượng tuyển sinh quá ít không đủ điều kiện để mở lớp thì Khoa có thể uyển chuyển giữa các nhóm ngành (Luật Kinh tế và Luật (chuyên ngành Luật Hành chính và Luật Tư pháp)) bằng việc thiết kế các môn chung (cơ sở ngành) và linh hoạt các môn tự chọn trong chuyên ngành; tổ chức các lớp ở các hệ đào tạo khác nhau; và tăng cường liên kết với đơn vị sử dụng lao động để thu hút người học. Trong trường hợp đình chỉ hoạt động ngành đào tạo theo quy định tuyển sinh, Khoa Luật sẽ hướng đến thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở đào tạo theo quy định.

3.3. Trường hợp tỉ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp thấp

Hiện tại, nhu cầu nhân lực ngành Luật nói chung và Luật Kinh tế nói riêng là rất lớn nên rủi ro này có tỉ lệ xảy ra rất thấp. Tuy nhiên, để lường trước hiện tượng này trong bối cảnh kinh tế nhiều biến động và gia tăng cạnh tranh từ các đơn vị đào tạo ngành Luật Kinh tế trong khu vực, Khoa Luật chủ động tiến hành khảo sát định kỳ các yêu cầu của nhà tuyển dụng để chủ động điều chỉnh, bổ sung các nội dung, học phần cần thiết; tăng cường hợp tác với các công ty, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước để sinh viên có nhiều cơ hội việc làm, chú ý đến mạng lưới cựu sinh viên của Khoa đang ngày càng lớn mạnh.

Tăng cường khả năng kết nối và phối hợp với các đơn vị tuyển dụng trong tổ chức ngày hội việc làm, thường xuyên thông tin các thông báo tuyển dụng, hỗ trợ kết nối các sinh viên sau tốt nghiệp với đơn vị tuyển dụng bằng nhiều kênh khác nhau. Khuyến khích giảng viên của Khoa giới thiệu và kết nối giữa sinh viên tốt nghiệp và người sử dụng lao động như là một cầu nối thông tin giữa Khoa và người sử dụng lao động.

3.4. Trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo

Trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo, một số phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi cho người học, giảng viên, nhà trường và các bên liên quan, như sau:

- Đối với người học (sinh viên), nhà trường liên hệ với các cơ sở đào tạo có mã ngành đào tạo là Luật Kinh tế và điều kiện đảm bảo chất lượng như Trường Đại học Kinh tế - Luật (ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh), Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh, Trường Đại học mở Tp. Hồ Chí Minh, để gửi sinh viên tham gia tiếp quá trình học tập; hoặc chuyển trường cho sinh viên theo nguyện vọng. Khi đó nhà trường có thể thỏa thuận cơ chế công nhận điểm số đã được tích lũy với Trường đại học mà người học chuyển đến.
- Đối với giảng viên, trong trường hợp buộc phải đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo, cơ sở đào tạo cần có kế hoạch, thông báo để cho giảng viên có sự chủ động trong sắp xếp công việc; hoặc tạo điều kiện cho giảng viên có cơ hội tham gia các lớp đào tạo/ đào tạo lại các lĩnh vực chuyên môn gần để giảng viên có thể có sự chuyển đổi khi cần thiết. Cụ thể:
 - **Phương án 1:** Sắp xếp giảng viên tham gia giảng dạy các học phần phù hợp chuyên môn ở các ngành khác trong Khoa.
 - **Phương án 2:** Sắp xếp công việc, thỏa thuận với giảng viên theo quy định của Luật Viên chức, Bộ luật lao động, thỏa ước lao động tập thể, hợp đồng lao động,...

- Đối với cơ sở đào tạo và các bên liên quan, nhà trường xác định các nội dung chưa phù hợp, tiến hành phân tích, đánh giá và thực hiện các giải pháp (theo từng trường hợp) để được cho phép đào tạo trở lại.

TỰ ĐÁNH GIÁ

Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Luật Kinh tế, mã ngành 7380107 đã được xây dựng đáp ứng các tiêu chí theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trường Đại học Cần Thơ cam kết triển khai và thực hiện đầy đủ các nội dung trong đề án, bảo đảm chất lượng đào tạo ngành Luật Kinh tế trình độ đại học theo các quy định hiện hành, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Hội đồng Trường;
- Đăng website Trường;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Hà Thanh Toàn

PHẦN 2: CÁC MINH CHỨNG KÈM THEO ĐỀ ÁN

Phụ lục 1. Nghị quyết của Hội đồng trường Trường ĐHCT phê duyệt đề án mở ngành đào tạo và các biên bản thẩm định đề án.

Phụ lục 2. Hồ sơ đề xuất chủ trương mở ngành.

Phụ lục 3. Hồ sơ xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo.

Phụ lục 4. Hồ sơ xác nhận các điều kiện đảm bảo chất lượng mở ngành đào tạo.

Phụ lục 5. Hồ sơ xác nhận điều kiện tự chủ của Trường Đại học Cần Thơ.